

Số: 1896/QĐ-TTYT

Uông Bí, ngày 09 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Hồ sơ yêu cầu gói thầu: Mua sắm trang phục nhân viên y tế năm 2023 cho Trung tâm Y tế thành phố Uông Bí

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ UÔNG BÍ

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013; Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu thực hiện các gói thầu;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số Thông tư số 14/2016/TT-BKHĐT ngày 29/09/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định chi tiết lập Hồ sơ mời thầu dịch vụ phi tư vấn;

Căn cứ Quyết định số 906/QĐ-SYT ngày 27/6/2022 của Sở Y tế Quảng Ninh về việc ban hành Quy trình thực mua sắm hàng hoá và sửa chữa cơ sở vật chất tại các đơn vị trực thuộc Sở Y tế;

Căn cứ Quyết định số 433/QĐ-SYT ngày 22/02/2023 của Sở Y tế Quảng Ninh về việc ban hành quy định chức năng nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế thành phố Uông Bí trực thuộc Sở Y tế;

Căn cứ theo Quyết định số 1816/QĐ-TTYT ngày 02/10/2023 của Trung tâm Y tế thành phố Uông Bí về việc Phê duyệt kế hoạch lựa chọn gói thầu mua sắm trang phục nhân viên y tế năm 2023 cho Trung tâm Y tế thành phố Uông Bí;

Căn cứ Hồ sơ mời thầu gói thầu Mua sắm trang phục nhân viên y tế của Trung tâm Y tế thành phố Uông Bí năm 2023 do Tổ chuyên gia đấu thầu lập và Báo cáo thẩm định Hồ sơ mời thầu ngày 09/10/2023 của Tổ Thẩm định đấu thầu;

Xét đề nghị của Tổ thẩm định gói thầu mua sắm trang phục nhân viên y tế năm 2023 cho Trung tâm Y tế thành phố Uông Bí;



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Hồ sơ yêu cầu gói thầu Mua sắm trang phục nhân viên y tế của Trung tâm Y tế thành phố Uông Bí năm 2023 gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

Phần 1. Thủ tục đấu thầu:

- Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu;
- Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu;
- Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;
- Chương IV. Biểu mẫu dự thầu.

Phần 2. Yêu cầu về phạm vi cung cấp:

- Chương V. Phạm vi cung cấp.

Phần 3. Điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng:

- Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng;
- Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng;
- Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng.

Nội dung chi tiết của các phần, thống nhất theo Hồ sơ yêu cầu gói thầu mua sắm trang phục nhân viên y tế năm 2023 cho Trung tâm Y tế thành phố Uông Bí (có chi tiết kèm theo).

Điều 2. Các ông, bà Trưởng phòng nghiệp vụ có liên quan, Tổ Thẩm định đấu thầu, Tổ Chuyên gia đấu thầu chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 (t/h);
- Lưu: HC-TC, VT.

GIÁM ĐỐC



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỒ SƠ MỜI THẦU

Số hiệu gói thầu : Gói thầu 01

Tên gói thầu : Mua sắm trang phục nhân viên y tế năm 2023
Cho Trung tâm Y tế thành phố Uông Bí

Tên dự toán : Mua sắm trang phục nhân viên y tế năm 2023
cho Trung tâm Y tế thành phố Uông Bí

Chủ đầu tư : Trung tâm Y tế thành phố Uông Bí

Phát hành ngày : 09/10/2023

Ban hành kèm theo: Số 1896/QĐ-TTYT ngày 09 /10/2023

ĐẠI DIỆN BÊN MỜI THẦU
TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ UÔNG BÍ



Vũ Hải Bình

MỤC LỤC

MÔ TẢ TÓM TẮT	2
TỪ NGỮ VIẾT TẮT	3
PHẦN 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU	4
Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu	4
Chương II. Bảng dữ liệu đầu thầu	14
Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDX.....	17
Chương IV. Biểu mẫu dự thầu	21
PHẦN 2. YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CUNG CẤP	41
Chương V. Phạm vi cung cấp	41
PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG	48
Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng.....	48
Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng	56
Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng.....	59

MÔ TẢ TÓM TẮT

Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị Hồ sơ đề xuất. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp Hồ sơ đề xuất, mở thầu, đánh giá Hồ sơ đề xuất và trao hợp đồng. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương II. Bảng dữ liệu đầu thầu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu.

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá Hồ sơ đề xuất

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá Hồ sơ đề xuất và đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu để thực hiện gói thầu.

Chương IV. Biểu mẫu dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của Hồ sơ đề xuất.

Phần 2. YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CUNG CẤP

Chương V. Phạm vi cung cấp

Chương này bao gồm phạm vi, tiến độ cung cấp hàng hóa, dịch vụ liên quan mà nhà thầu phải thực hiện; yêu cầu về kỹ thuật và bản vẽ để mô tả các đặc tính kỹ thuật của hàng hóa và dịch vụ liên quan; các nội dung về kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa (nếu có).

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng

Chương này gồm điều khoản chung được áp dụng cho tất cả các hợp đồng của các gói thầu khác nhau. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Chương này bao gồm dữ liệu hợp đồng và Điều kiện cụ thể, trong đó có điều khoản cụ thể cho mỗi hợp đồng. Điều kiện cụ thể của hợp đồng nhằm sửa đổi, bổ sung nhưng không được thay thế Điều kiện chung của hợp đồng.

Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng

Chương này gồm các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng. Các mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng (Thư bảo lãnh) và Bảo lãnh tiền tạm ứng (nếu có yêu cầu về tạm ứng) do nhà thầu trúng thầu hoàn chỉnh trước khi hợp đồng có hiệu lực.



TỪ NGỮ VIẾT TẮT

CDNT	Chỉ dẫn nhà thầu
BDL	Bảng dữ liệu đấu thầu
HSYC	Hồ sơ yêu cầu
HSDX	Hồ sơ đề xuất
ĐKC	Điều kiện chung của hợp đồng
ĐKCT	Điều kiện cụ thể của hợp đồng
VND	đồng Việt Nam
USD	đô la Mỹ
EUR	đồng tiền chung Châu Âu
43/2013/QH13	Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Chủ tịch Quốc hội
63/2014/NĐ-CP	Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu





PHẦN 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU
CHƯƠNG I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

1. Phạm vi gói thầu	1.1. Bên mời thầu quy định tại BDL phát hành bộ HSYC này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu mua sắm hàng hóa được mô tả trong Phần 2 - Yêu cầu về phạm vi cung cấp. 1.2. Tên gói thầu; số hiệu, số lượng các phần (trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập) thuộc gói thầu quy định tại BDL . 1.3. Thời gian thực hiện hợp đồng quy định tại BDL .
2. Nguồn vốn	Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn) để sử dụng cho gói thầu được quy định tại BDL .
3. Tư cách hợp lệ của nhà thầu	3.1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp. 3.2. Hạch toán tài chính độc lập. 3.3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật. 3.4. Không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu. 3.5. Đã đăng ký trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo quy định tại BDL .
4. Tính hợp lệ của hàng hóa, dịch vụ liên quan	4.1. Tất cả các hàng hóa và dịch vụ liên quan được coi là hợp lệ nếu có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp. 4.2. Thuật ngữ “hàng hóa” được hiểu bao gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phụ tùng; hàng tiêu dùng; vật tư y tế dùng cho các cơ sở y tế. Thuật ngữ “xuất xứ” được hiểu là nước hoặc vùng lãnh thổ nơi sản xuất ra toàn bộ hàng hóa hoặc nơi thực hiện công đoạn chế biến cơ bản cuối cùng đối với hàng hóa trong trường hợp có nhiều nước hoặc vùng lãnh thổ tham gia vào quá trình sản xuất ra hàng hóa đó. Thuật ngữ “các dịch vụ liên quan” bao gồm các dịch vụ như bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác như đào tạo, chuyển giao công nghệ... 4.3. Để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa và dịch vụ liên quan theo quy định tại Mục 4.1 CDNT, nhà thầu cần nêu rõ xuất xứ của hàng hóa, ký mã hiệu, nhãn mác của hàng hóa và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa theo quy định tại BDL .
5. Nội dung của HSYC	5.1. HSYC gồm có các Phần 1, 2, 3 và cùng với tài liệu sửa đổi HSYC theo quy định tại Mục 7 CDNT (nếu có), trong đó cụ thể bao gồm các nội dung sau đây:

	<p>Phần 1. Thủ tục đấu thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu; - Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu; - Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDX; - Chương IV. Biểu mẫu dự thầu. <p>Phần 2. Yêu cầu về phạm vi cung cấp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương V. Phạm vi cung cấp. <p>Phần 3. Điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng; - Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng; - Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng. <p>5.2. Thư mời thầu/thông báo mời thầu do Bên mời thầu phát hành hoặc cung cấp không phải là một phần của HSYC.</p> <p>5.3. Bên mời thầu sẽ không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của HSYC, tài liệu giải thích làm rõ HSYC, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) hay các tài liệu sửa đổi HSYC theo quy định tại Mục 7 CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Bên mời thầu. Các tài liệu do nhà thầu nhận được nếu có mâu thuẫn về nội dung thì tài liệu do Bên mời thầu phát hành sẽ có ý nghĩa quyết định.</p> <p>5.4. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin chỉ dẫn, biểu mẫu, yêu cầu về phạm vi cung cấp và các yêu cầu khác trong HSYC để chuẩn bị lập HSDX của mình bao gồm tất cả thông tin hay tài liệu theo yêu cầu của HSYC.</p>
<p>6. Làm rõ HSYC</p>	<p>6.1. Trong trường hợp cần làm rõ HSYC, nhà thầu phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến Bên mời thầu hoặc đặt câu hỏi trong hội nghị tiền đấu thầu (nếu có). Khi Bên mời thầu nhận được đề nghị làm rõ HSYC của nhà thầu trước thời điểm đóng thầu tối thiểu một số ngày theo quy định tại BDL, Bên mời thầu phải có văn bản trả lời tất cả các yêu cầu làm rõ HSYC. Bên mời thầu sẽ gửi văn bản làm rõ HSYC cho nhà thầu có yêu cầu làm rõ HSYC và tất cả nhà thầu khác đã nhận HSYC từ Bên mời thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSYC thì Bên mời thầu phải tiến hành sửa đổi HSYC theo thủ tục quy định tại Mục 7 và Mục 19.2 CDNT.</p> <p>6.2. Trong trường hợp cần thiết, Bên mời thầu tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong HSYC mà các nhà thầu thấy chưa rõ. Nội dung trao đổi sẽ được Bên mời thầu ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ HSYC, gửi cho tất cả nhà thầu đã mua hoặc nhận HSYC từ Bên mời thầu. Trong trường hợp HSYC cần phải được sửa đổi</p>



	sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Bên mời thầu sẽ phát hành văn bản sửa đổi HSYC như quy định tại Mục 7 CDNT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi HSYC. Việc không tham gia hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại nhà thầu.
7. Sửa đổi HSYC	<p>7.1. Việc sửa đổi HSYC được thực hiện trước thời điểm đóng thầu thông qua việc phát hành văn bản sửa đổi HSYC.</p> <p>7.2. Văn bản sửa đổi HSYC được coi là một phần của HSYC và phải được thông báo bằng văn bản tới tất cả các nhà thầu đã nhận HSYC từ Bên mời thầu.</p> <p>7.3. Thời gian gửi văn bản sửa đổi HSYC đến các nhà thầu đã nhận HSYC từ Bên mời thầu theo thời gian quy định tại BDL. Nhằm giúp nhà thầu có đủ thời gian hợp lý để sửa đổi HSDX, Bên mời thầu có thể quyết định gia hạn thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 19.2 CDNT. Nhà thầu phải thông báo bằng văn bản cho Bên mời thầu là đã nhận được tài liệu sửa đổi đó bằng một trong các cách sau: gửi văn bản trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail.</p>
8. Chi phí dự thầu	Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến việc chuẩn bị và nộp HSDX. Trong mọi trường hợp, Bên mời thầu sẽ không phải chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.
9. Ngôn ngữ của HSDX	HSDX cũng như tất cả thư từ và tài liệu liên quan đến HSDX được trao đổi giữa nhà thầu với Bên mời thầu được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung.
10. Thành phần của HSDX	<p>HSDX phải bao gồm các thành phần sau:</p> <p>10.1. Đơn đề xuất theo quy định tại Mục 11 CDNT;</p> <p>10.2. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu theo quy định tại Mục 3 CDNT;</p> <p>10.3. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký Đơn đề xuất theo quy định tại Mục 17.2 CDNT;</p> <p>10.4. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định tại Mục 14 CDNT;</p> <p>10.5. Đề xuất về giá và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 và Mục 12 CDNT;</p> <p>10.6. Các nội dung khác theo quy định tại BDL.</p>
11. Đơn đề xuất và các bảng biểu	Nhà thầu phải lập Đơn đề xuất và các bảng biểu tương ứng theo mẫu quy định tại Chương IV - Biểu mẫu dự thầu.
12. Giá dự thầu và giảm giá	12.1. Giá dự thầu là giá do nhà thầu ghi trong Đơn đề xuất, bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu (chưa tính giảm giá) theo yêu cầu quy

	<p>định tại Phần 2 - Yêu cầu về phạm vi cung cấp.</p> <p>12.2. Nhà thầu phải nộp HSDX cho toàn bộ công việc được mô tả trong Mục 1.1 CDNT và ghi đơn giá dự thầu, thành tiền cho tất cả các công việc nêu trong các cột “Danh mục hàng hóa”, “Mô tả dịch vụ” theo các mẫu tương ứng quy định tại Chương IV - Biểu mẫu dự thầu.</p> <p>Trường hợp tại cột “đơn giá dự thầu” và cột “thành tiền” nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của hàng hóa, dịch vụ này vào các hàng hóa, dịch vụ khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm cung cấp hàng hóa, dịch vụ theo đúng yêu cầu nêu trong HSYC và không được Chủ đầu tư thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng. Trong mỗi Bảng giá, nhà thầu phải chào theo quy định tại BDL.</p> <p>12.3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì có thể ghi trực tiếp vào Đơn đề xuất hoặc đề xuất riêng trong thư giảm giá. Trường hợp giảm giá, nhà thầu phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong cột “Danh mục hàng hóa”, “Mô tả dịch vụ”. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục nêu trong cột “Danh mục hàng hóa”, “Mô tả dịch vụ”. Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá có thể để cùng trong HSDX hoặc nộp riêng song phải bảo đảm Bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp thư giảm giá nộp riêng thì thực hiện như quy định tại Mục 18.2 CDNT. Thư giảm giá sẽ được Bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDX và được mở đồng thời cùng HSDX của nhà thầu.</p>
13. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán	Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.
14. Tài liệu cập nhật năng lực của nhà thầu	<p>14.1. Nhà thầu phải ghi các thông tin cần thiết vào các Mẫu trong Chương IV - Biểu mẫu dự thầu để chứng minh năng lực và kinh nghiệm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDX. Nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu gốc để phục vụ việc xác minh khi có yêu cầu của Bên mời thầu.</p> <p>14.2. Các tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng của nhà thầu nếu được trúng thầu theo quy định tại BDL.</p>
15. Thời hạn có hiệu lực của HSDX	<p>15.1. HSDX phải có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn quy định tại BDL. HSDX nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.</p> <p>15.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDX, Bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của</p>

	<p>HSDX. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của HSDX thì HSDX của nhà thầu không được xem xét tiếp. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDX. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản.</p>
<p>17. Quy cách HSDX và chữ ký trong HSDX</p>	<p>17.1. Nhà thầu phải chuẩn bị HSDX bao gồm: 1 bản gốc HSDX theo quy định tại Mục 10 CDNT và một số bản chụp HSDX theo số lượng quy định tại BDL. Trên trang bìa của các hồ sơ phải ghi rõ “BẢN GỐC HSDX”, “BẢN CHỤP HSDX”.</p> <p>Trường hợp có sửa đổi, thay thế HSDX thì nhà thầu phải chuẩn bị 1 bản gốc và một số bản chụp hồ sơ theo số lượng quy định tại BDL. Trên trang bìa của các hồ sơ phải ghi rõ “BẢN GỐC HSDX SỬA ĐỔI”, “BẢN CHỤP HSDX SỬA ĐỔI”, “BẢN GỐC HSDX THAY THẾ”, “BẢN CHỤP HSDX THAY THẾ”.</p> <p>17.2. Bản gốc của HSDX phải được đánh máy hoặc viết bằng mực không phai, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn đề xuất, thư giảm giá (nếu có), các văn bản bổ sung, làm rõ HSDX, Bảng giá và các biểu mẫu khác tại Chương IV - Biểu mẫu dự thầu phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu hoặc người được ủy quyền hợp pháp ký tên và đóng dấu (nếu có), trường hợp ủy quyền phải có giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu hoặc bản chụp Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh được chứng thực hoặc các tài liệu khác chứng minh thẩm quyền của người được ủy quyền và được nộp cùng với HSDX.</p> <p>17.3. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký Đơn đề xuất.</p>
<p>18. Niêm phong và ghi bên ngoài HSDX</p>	<p>18.1. Túi đựng HSDX bao gồm bản gốc và các bản chụp HSDX, bên ngoài phải ghi rõ “HỒ SƠ ĐỀ XUẤT”.</p> <p>Trường hợp nhà thầu có sửa đổi, thay thế HSDX thì hồ sơ sửa đổi, thay thế (bao gồm bản gốc và các bản chụp) phải được đựng trong các túi riêng biệt với túi đựng HSDX, bên ngoài phải ghi rõ “HỒ SƠ ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI”, “HỒ SƠ ĐỀ XUẤT THAY THẾ”.</p> <p>Các túi đựng: HSDX; HSDX sửa đổi, HSDX thay thế (nếu có); đề xuất phương án kỹ thuật thay thế (nếu có) phải được niêm phong. Cách niêm phong theo quy định riêng của nhà thầu.</p> <p>18.2. Trên các túi đựng hồ sơ phải:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Ghi tên và địa chỉ của nhà thầu; b) Ghi tên người nhận là tên Bên mời thầu theo địa chỉ quy định tại Mục 19.1 CDNT;



	<p>c) Ghi tên gói thầu theo quy định tại Mục 1.2 CDNT;</p> <p>d) Ghi dòng chữ cảnh báo “không được mở trước thời điểm mở thầu”.</p>
19. Thời điểm đóng thầu	<p>19.1. Nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi HSDX đến địa chỉ của Bên mời thầu nhưng phải bảo đảm Bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu theo quy định tại BDL.</p> <p>19.2. Bên mời thầu có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi HSYC theo quy định tại Mục 7 CDNT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Bên mời thầu và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.</p>
20. HSDX nộp muộn	<p>Bên mời thầu sẽ không xem xét bất kỳ HSDX nào được nộp sau thời điểm đóng thầu. Bất kỳ HSDX nào mà Bên mời thầu nhận được sau thời điểm đóng thầu sẽ bị tuyên bố là HSDX nộp muộn, bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.</p>
21. Rút, thay thế và sửa đổi HSDX	<p>21.1. Sau khi nộp HSDX, nhà thầu có thể sửa đổi, thay thế hoặc rút HSDX bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu, trường hợp ủy quyền thì phải gửi kèm giấy ủy quyền theo quy định tại Mục 17.2 CDNT. Hồ sơ sửa đổi hoặc thay thế HSDX phải được gửi kèm với văn bản thông báo việc sửa đổi, thay thế tương ứng và phải bảo đảm các điều kiện sau:</p> <p>a) Được nhà thầu chuẩn bị và nộp cho Bên mời thầu theo quy định tại Mục 17 và Mục 18 CDNT, trên túi đựng văn bản thông báo phải ghi rõ “SỬA ĐỔI HSDX” hoặc “THAY THẾ HSDX” hoặc “RÚT HSDX”;</p> <p>b) Được Bên mời thầu tiếp nhận trước thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 19 CDNT.</p> <p>21.2. HSDX mà nhà thầu yêu cầu rút lại theo quy định tại Mục 21.1 CDNT sẽ được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.</p> <p>21.3. Nhà thầu không được sửa đổi, thay thế hoặc rút HSDX sau thời điểm đóng thầu cho đến khi hết hạn hiệu lực của HSDX mà nhà thầu đã ghi trong Đơn đề xuất hoặc đến khi hết hạn hiệu lực đã gia hạn của HSDX.</p>
22. Mở thầu	<p>Sau khi đóng thầu, Bên mời thầu phải lập biên bản mở thầu trong đó bao gồm các thông tin sau: tên nhà thầu, số lượng bản gốc, bản chụp, giá dự thầu ghi trong Đơn đề xuất, giá dự thầu ghi trong bảng tổng hợp giá dự thầu, giá trị giảm giá (nếu có), thời gian có hiệu lực của HSDX, thời gian thực hiện hợp đồng và các thông tin khác mà Bên mời thầu thấy cần thiết. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của Bên mời thầu và các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Việc thiếu chữ ký của nhà thầu trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở thầu sẽ được gửi cho tất cả các nhà thầu tham dự thầu.</p>

23. Bảo mật	<p>23.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá HSDX và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong HSDX của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai khi mở thầu.</p> <p>23.2. Trừ trường hợp làm rõ HSDX theo quy định tại Mục 24 CDNT và thương thảo hợp đồng, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Bên mời thầu về các vấn đề liên quan đến HSDX của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.</p>
24. Làm rõ HSDX	<p>Trong quá trình đánh giá, bên mời thầu mời nhà thầu đến thương thảo, làm rõ các nội dung thông tin cần thiết của hồ sơ đề xuất nhằm chứng minh sự đáp ứng của nhà thầu theo yêu cầu về năng lực, tiến độ, chất lượng, giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức thực hiện gói thầu;</p>
25. Đánh giá HSDX	<p>Đánh giá HSDX gồm các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra các nội dung về kỹ thuật và đơn giá; - Cập nhật thông tin về năng lực của nhà thầu; - Đánh giá tiến độ thực hiện, biện pháp cung cấp hàng hóa, giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức thực hiện gói thầu.
26. Thương thảo hợp đồng	<p>26.1. Việc thương thảo hợp đồng phải dựa trên các cơ sở sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Báo cáo đánh giá HSDX; b) HSDX và các tài liệu làm rõ HSDX (nếu có) của nhà thầu; c) HSYC. <p>26.2. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung nhà thầu đã chào thầu theo đúng yêu cầu của HSYC; b) Trong quá trình đánh giá HSDX và thương thảo hợp đồng, nếu phát hiện hạng mục công việc, khối lượng mời thầu nêu trong “Chương V - Phạm vi cung cấp” thiếu so với hồ sơ thiết kế thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu bổ sung khối lượng công việc thiếu đó trên cơ sở đơn giá đã chào; trường hợp trong HSDX chưa có đơn giá thì Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định việc áp đơn giá nêu trong dự toán đã phê duyệt đối với khối lượng công việc thiếu so với hồ sơ thiết kế hoặc đơn giá của nhà thầu khác đã vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật nếu đơn giá này thấp hơn đơn giá đã phê duyệt trong dự toán gói thầu; c) Khi thương thảo hợp đồng đối với phần sai lệch thiếu, trường hợp trong HSDX của nhà thầu không có đơn giá tương ứng với phần sai lệch thì phải lấy mức đơn giá quy định trong HSYC này để làm cơ sở thương

	<p>thảo đối với sai lệch thiếu đó.</p> <p>26.3. Nội dung thương thảo hợp đồng:</p> <p>a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa HSYC và HSDX, giữa các nội dung khác nhau trong HSDX có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;</p> <p>b) Thương thảo về các sai lệch do nhà thầu đã phát hiện và đề xuất trong HSDX (nếu có);</p> <p>c) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;</p> <p>d) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.</p> <p>26.4. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; điều kiện cụ thể của hợp đồng, phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi cung cấp, bảng giá, tiến độ cung cấp.</p> <p>26.5. Trường hợp thương thảo không thành công, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định phát hành hồ sơ yêu cầu cho nhà thầu khác nếu nhà thầu này đáp ứng quy định tại Khoản 3 Điều 24 của Luật Đấu thầu. Trường hợp thương thảo với các nhà thầu khác không thành công thì Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 28.1 CDNT.</p>
<p>27. Điều kiện xét duyệt trúng thầu</p>	<p>Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>27.1. Có HSDX hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDX ;</p> <p>27.2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDX ;</p> <p>27.3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;</p> <p>27.4. Có sai lệch thiếu không quá 10% giá dự thầu;</p> <p>27.5. Đáp ứng điều kiện theo quy định tại BDL;</p> <p>27.6. Có đơn giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) của các phần việc thuộc gói thầu này đáp ứng yêu cầu về đơn giá theo yêu cầu của HSYC.</p>
<p>28. Hủy thầu</p>	<p>28.1. Bên mời thầu sẽ thông báo hủy thầu trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) HSDX không đáp ứng được các yêu cầu nêu trong HSYC;</p> <p>b) Thay đổi mục tiêu, phạm vi đầu tư đã ghi trong HSYC;</p> <p>c) HSYC không tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn</p>

	<p>không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu, dự án;</p> <p>d) Có bằng chứng về việc đưa, nhận, môi giới hối lộ, thông thầu, gian lận, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>28.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu (theo quy định tại điểm c và điểm d Mục 28.1 CDNT) phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p>
<p>29. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu</p>	<p>29.1. Trong thời hạn quy định tại BDL, Bên mời thầu phải gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu cho các nhà thầu tham dự thầu theo đường bưu điện, fax. Trong văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu phải bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>a) Tên gói thầu, số hiệu gói thầu;</p> <p>b) Tên nhà thầu trúng thầu;</p> <p>c) Địa chỉ giao dịch hiện tại của nhà thầu trúng thầu;</p> <p>d) Giá trúng thầu;</p> <p>đ) Loại hợp đồng;</p> <p>e) Thời gian thực hiện hợp đồng;</p> <p>g) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu.</p> <p>29.2. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 28.1 CDNT, trong văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu phải nêu rõ lý do hủy thầu.</p> <p>29.3. Sau khi thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Mục 29.1 CDNT, nếu nhà thầu không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong thời gian tối đa là 5 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu Bên mời thầu phải có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.</p>
<p>30. Thông báo chấp thuận HSDX và trao hợp đồng</p>	<p>Đồng thời với văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận HSDX và trao hợp đồng, bao gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo quy định tại Mẫu số 14 Chương VIII - Biểu mẫu hợp đồng cho nhà thầu trúng thầu với điều kiện nhà thầu đã được xác minh là đủ năng lực để thực hiện tốt hợp đồng. Thông báo chấp thuận HSDX và trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không đến hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận HSDX và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại.</p>
<p>31. Điều kiện ký kết hợp đồng</p>	<p>31.1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSDX của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.</p>



	<p>31.2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định nêu trong HSYC thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu. Khi đó, Chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, thông báo chấp thuận HSDX và trao hợp đồng trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.</p> <p>31.3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.</p>
32. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	<p>32.1. Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành hoặc đặt cọc bằng Séc với nội dung và yêu cầu như quy định tại Mục 6.1 ĐKCT. Trường hợp nhà thầu sử dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng thì phải sử dụng Mẫu số 16 Chương VIII - Biểu mẫu hợp đồng hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>32.2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none">a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.
33. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu	<p>Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị ảnh hưởng, nhà thầu có quyền gửi đơn kiến nghị về các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu đến Chủ đầu tư, Người có thẩm quyền, Hội đồng tư vấn theo địa chỉ quy định tại BDL. Việc giải quyết kiến nghị trong đấu thầu được thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương XII Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 và Mục 2 Chương XII Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.</p>
34. Theo dõi, giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu	<p>Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát theo quy định tại BDL.</p>



CHƯƠNG II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

CDNT 1.1	Tên Bên mời thầu là: TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
CDNT 1.2	Tên gói thầu: Mua sắm trang phục nhân viên y tế năm 2023 cho Trung tâm Y tế thành phố Uông Bí Loại hợp đồng: Trọn gói.
CDNT 1.3	Thời gian thực hiện hợp đồng: 90 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
CDNT 2	Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn): Từ nguồn thu dịch vụ khám chữa bệnh và các nguồn Ngân sách tự chủ của Đơn vị năm 2023
CDNT 3.5	Nhà thầu tham dự thầu phải có tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia: Có áp dụng. Nhà thầu tham dự thầu phải có tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia: Nhà thầu phải đăng ký tham gia Hệ thống và được phê duyệt trước khi xét duyệt trúng thầu theo quy định tại Khoản 1 Điều 21 của Thông tư 11/2019/TT-BKHĐT ngày 16/12/2019 của Bộ kế hoạch đầu tư.
CDNT 4.3	Tài liệu chứng minh về tính hợp lệ của hàng hóa: - Đối với các hàng hoá chào thầu, nhà thầu phải nêu rõ màu sắc, chất liệu, kích thước, mới 100% trong HSDX. - Tài liệu chứng nhận về đặc tính, thông số kỹ thuật, tài liệu mô tả về quy cách đóng gói, nhãn mác...của sản phẩm dự thầu phải đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật nêu trong yêu cầu về phạm vi hàng hoá cung cấp.
CDNT 6.1	Bên mời thầu phải nhận được yêu cầu giải thích làm rõ HSYC không muộn hơn 3 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.
CDNT 7.3	Tài liệu sửa đổi HSYC sẽ được Bên mời thầu gửi đến tất cả các nhà thầu đã nhận HSYC từ Bên mời thầu trước ngày có thời điểm đóng thầu tối thiểu 5 ngày . Trường hợp thời gian gửi văn bản sửa đổi HSYC không đáp ứng theo quy định thì Bên mời thầu thực hiện gia hạn thời điểm đóng thầu tương ứng.
CDNT 10.7	Nhà thầu phải nộp cùng với HSDX các tài liệu sau đây: Không yêu cầu



CDNT 12.2	<p>Trong bảng giá, nhà thầu phải chào giá theo các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đối với các hàng hóa được sản xuất, gia công trong nước hoặc hàng hóa được sản xuất, gia công ở ngoài nước nhưng đã được chào bán tại Việt Nam cần yêu cầu nhà thầu chào giá của hàng hóa tại Việt Nam (giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình) và trong giá của hàng hóa đã bao gồm đầy đủ các loại thuế, phí và lệ phí (nếu có) theo Mẫu số 04 (a) Chương IV - Biểu mẫu dự thầu; + Nếu hàng hóa có dịch vụ liên quan kèm theo thì nhà thầu chào các chi phí cho các dịch vụ liên quan để thực hiện gói thầu và đã bao gồm đầy đủ các loại thuế, phí và lệ phí (nếu có) theo Mẫu số 04 (b) Chương IV - Biểu mẫu dự thầu.
CDNT 14.2	<p>Các tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng nếu được công nhận trúng thầu bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu phải nộp hợp đồng tương tự đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: <ul style="list-style-type: none"> + Đã thực hiện thông qua đấu thầu rộng rãi hoặc hạn chế và đã ký hợp đồng thực hiện gói thầu. + Có nội dung tính chất với phần tham dự của nhà thầu trong gói thầu. + Có thời hạn từ khi ký hợp đồng của gói thầu trước đó đến ngày phê duyệt kết quả mua sắm trực tiếp không quá 12 tháng.
CDNT 15.1	<p>Thời hạn hiệu lực của HSDX là: ≥ 30 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.</p>
CDNT 17.1	<p>Số lượng bản chụp HSDX là: 02 bản chụp và 01 USB chứa các nội dung HSDX (đính kèm theo HSDX).</p> <p>Trường hợp sửa đổi, thay thế HSDX thì nhà thầu phải nộp các bản chụp hồ sơ sửa đổi, thay thế, phương án kỹ thuật thay thế với số lượng bằng số lượng bản chụp HSDX.</p>
CDNT 19.1	<p>Địa chỉ của Bên mời thầu (sử dụng để nộp HSDX): Trung tâm Y tế thành phố Uông Bí (Tổ 28 Khu 8 - Phường Quảng Trung – Thành phố Uông Bí - Tỉnh Quảng Ninh);</p> <p>Điện thoại: 02033 854452</p> <p>Nơi nhận: Trung tâm Y tế thành phố Uông Bí;</p> <p>Địa chỉ: (Tổ 28 Khu 8 - Phường Quảng Trung – Thành phố Uông Bí - Tỉnh Quảng Ninh);</p> <p>Điện thoại: 02033 854452</p> <p>Thời điểm đóng thầu là: 14 giờ 00 phút, ngày 18 tháng 10 năm 2023</p>
CDNT 22	<p>Việc mở thầu sẽ được tiến hành công khai vào lúc: 14 giờ 30 phút, ngày 18 tháng 10 năm 2023, tại địa điểm mở thầu theo địa chỉ như sau:</p> <p>Trung tâm Y tế thành phố Uông Bí</p> <p>Địa chỉ: (Tổ 28 Khu 8 - Phường Quảng Trung – Thành phố Uông Bí - Tỉnh Quảng Ninh)</p> <p>Điện thoại: 02033 854452</p>
CDNT 24	<p>Nhà thầu được tự gửi tài liệu để làm rõ HSDX đến Bên mời thầu trong vòng: 03 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.</p>
CDNT 25	<p>Phương pháp đánh giá HSDX là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá tính hợp lệ của HSDX: Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; - Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: Sử dụng tiêu chí đạt, không



	<p>đạt;</p> <p>- Đánh giá về kỹ thuật: Áp dụng phương pháp đánh giá theo tiêu chí đạt/không đạt;</p> <p>- Đánh giá về giá: Giá thấp nhất.</p>
CDNT 29.1	<p>Thời hạn gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu là 05 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ đầu tư phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.</p>
CDNT 33	<p>- Địa chỉ của Chủ đầu tư: Trung tâm Y tế thành phố Uông Bí Địa chỉ: (Tổ 28 Khu 8 - Phường Quảng Trung – Thành phố Uông Bí - Tỉnh Quảng Ninh) Điện thoại: 02033 854452</p> <p>- Địa chỉ của Người có thẩm quyền: - Ông Vũ Hải Bình - Chức vụ: Giám đốc Trung tâm Y tế thành phố Uông Bí Địa chỉ: (Tổ 28 Khu 8 - Phường Quảng Trung – Thành phố Uông Bí - Tỉnh Quảng Ninh); Điện thoại: 02033 854452</p> <p>- Địa chỉ của bộ phận thường trực giúp việc Hội đồng tư vấn: Tổ mua sắm - Trung tâm Y tế thành phố Uông Bí (Tổ 28 Khu 8 - Phường Quảng Trung – Thành phố Uông Bí - Tỉnh Quảng Ninh)</p>
CDNT 34	<p>Địa chỉ của tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát: Tổ mua sắm - Trung tâm Y tế thành phố Uông Bí (Tổ 28 Khu 8 - Phường Quảng Trung – Thành phố Uông Bí - Tỉnh Quảng Ninh) Điện thoại: 02033 854452</p>





CHƯƠNG III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDX

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDX

1.1. Kiểm tra HSDX:

- a) Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp HSDX;
- b) Kiểm tra các thành phần của bản gốc HSDX, bao gồm hồ sơ về hành chính, pháp lý, hồ sơ về năng lực, đề xuất về tiến độ cung cấp và cam kết cung cấp hàng hóa bảo đảm kỹ thuật, chất lượng theo yêu cầu của HSYC, trong đó có: Đơn đề xuất, giấy ủy quyền ký Đơn đề xuất (nếu có); tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ; tài liệu cập nhật năng lực; đề xuất về tiến độ cung cấp và cam kết cung cấp hàng hóa bảo đảm kỹ thuật; chất lượng theo yêu cầu của HSYC;
- c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSDX.

1.2. Đánh giá tính hợp lệ của HSDX:

HSDX của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc HSDX;
 - b) Có Đơn đề xuất được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSYC;
 - c) Thời gian thực hiện gói thầu nêu trong Đơn đề xuất phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật đồng thời đáp ứng thời gian theo yêu cầu của HSYC;
 - d) Giá dự thầu ghi trong Đơn đề xuất phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá dự thầu ghi trong bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu;
 - đ) Thời hạn hiệu lực của HSDX đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 15.1 CDNT;
 - e) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 CDNT.
- Nhà thầu có HSDX hợp lệ được xem xét, kiểm tra về năng lực và kinh nghiệm.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Khi nộp HSDX nếu nhà thầu có sự thay đổi về năng lực và kinh nghiệm so với thông tin kê khai trong hồ sơ trúng thầu trước đó thì nhà thầu phải cập nhật lại năng lực và kinh nghiệm của mình theo biểu mẫu số 06; 07; 08; 09; 10; 11; 12; 13 thuộc HSYC; trường hợp năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu không có sự thay đổi thì nhà thầu phải có cam kết bằng văn bản về việc vẫn đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu theo Mẫu số 14 thuộc HSYC.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

HSDX được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật khi tất cả các hạng mục hàng hóa được đều đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.

TT	Nội dung	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
(1)	(2)	(3)	(4)
I	Phạm vi cung cấp:		
1.1	Chủng loại hàng hóa cung cấp	Đúng chủng loại của HSYC.	Không đúng chủng loại như yêu cầu của HSYC

1.2	Số lượng mặt hàng	Đủ số lượng mặt hàng theo phạm vi cung cấp của HSYC.	Thiếu số lượng so với Phạm vi cung cấp của HSYC
1.3	Xuất xứ hàng hóa	Có xuất xứ rõ ràng (hãng sản xuất- nước sản xuất)	Mặt hàng dự thầu không có xuất xứ rõ ràng
1.4	Quy cách đóng gói, đơn vị tính	Nhà thầu phải chào thầu các mặt hàng đúng quy cách cho từng mặt hàng đối với hàng hoá chào thầu quy định tại Chương V của HSYC	Không đáp ứng được tiêu chí tại cột 3 của mục này
II Đặc tính, tiêu chuẩn kỹ thuật và pháp lý của sản phẩm			
2.1	Cấu hình, Đặc tính, Thông số kỹ thuật của hàng hóa. Yêu cầu chi tiết tại mục 2.2.2. Yêu cầu kỹ thuật chi tiết, chương V của HSYC	Đáp ứng đầy đủ các nội dung như yêu cầu ở mục 2.2.2 Chương V, HSYC	Không đáp ứng được tiêu chí tại cột 3 của mục này
III Các yếu tố về điều kiện thương mại và chế độ bảo hành			
3.1	Thu hồi hàng hóa trong trường hợp đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền nhưng nguyên nhân không phải do lỗi bên mời thầu.	Có cam kết	Không có cam kết
3.2	Cam kết cung cấp hàng mẫu theo phạm vi cung cấp với số lượng 01 sản phẩm/1 mặt hàng khi có yêu cầu của bên mời thầu trong thời gian 05 ngày làm việc đối với các mặt hàng thuộc phạm vi cung cấp để bên mời thầu đánh giá chất lượng hàng hóa, chất liệu dự thầu	Có cam kết	Không có cam kết

3.3	Cam kết sửa chữa, đổi sản phẩm miễn phí đối với tất cả lỗi của nhà sản xuất hay các hư hỏng như; hỏng phụ kiện (cúc, khóa,...), bung đường may, đường chỉ cong vênh, hót tà bao gồm cả chi phí vận chuyển trong quá trình sử dụng sản phẩm.	Có cam kết	Không có cam kết
KẾT LUẬN		ĐẠT <i>(Khi tất cả các yêu cầu chi tiết được đánh giá là “Đạt”)</i>	KHÔNG ĐẠT <i>(Khi có bất kỳ 01 tiêu chí chi tiết được đánh giá là “Không đạt”)</i>

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về giá

Cách xác định giá chào thấp nhất theo các bước sau:

Bước 1: Xác định giá chào;

Bước 2: Sửa lỗi thực hiện theo quy định tại ghi chú (1);

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định tại ghi chú (2);

Bước 4: Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5: Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 15 Chương I - Chỉ dẫn nhà thầu;

Bước 6: Xếp hạng nhà thầu. HSDX có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) và cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá chào. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong HSYC và được thanh toán theo đúng giá đã chào.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành

tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSYC thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong HSYC;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi bên mời thầu cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá nhà thầu chào rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong HSDX của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp một hạng mục trong HSDX của nhà thầu có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá cao nhất đối với hạng mục này trong số các HSDX của nhà thầu khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSDX của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá của hạng mục này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong HSDX của nhà thầu này; trường hợp HSDX của nhà thầu không có đơn giá tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá chào chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá chào ghi trong đơn chào hàng.

CHƯƠNG IV. BIỂU MẪU DỰ THẦU

Mẫu số 01 (a). Đơn đề xuất (áp dụng trong trường hợp nhà thầu không có đề xuất giảm giá hoặc có đề xuất giảm giá trong thư giảm giá riêng)

Mẫu số 01 (b). Đơn đề xuất (áp dụng trong trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá trong Đơn đề xuất)

Mẫu số 02. Giấy ủy quyền

Mẫu số 04. Bảng tổng hợp giá dự thầu

Mẫu số 04 (a). Bảng giá dự thầu của hàng hóa (áp dụng đối với đấu thầu trong nước)

Mẫu số 04 (b). Bảng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan

Mẫu số 05. Bản kê khai thông tin về nhà thầu

Mẫu số 06. Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt

Mẫu số 07. Bản lý lịch chuyên môn của nhân sự chủ chốt

Mẫu số 08. Bản kinh nghiệm chuyên môn

Mẫu số 09. Hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ

Mẫu số 10. Kịch bản đang giải quyết

Mẫu số 11. Tình hình tài chính của nhà thầu

Mẫu số 12. Nguồn lực tài chính

Mẫu số 13. Nguồn lực tài chính hàng tháng cho các hợp đồng đang thực hiện

Mẫu số 14. Bản cam kết thực hiện gói thầu

ĐƠN ĐỀ XUẤT ⁽¹⁾

(áp dụng trong trường hợp nhà thầu không có đề xuất giảm giá hoặc có đề xuất giảm giá trong thư giảm giá riêng)

Ngày: ___ [ghi ngày tháng năm ký Đơn đề xuất]

Tên gói thầu: ___ [ghi tên gói thầu theo thông báo mời thầu]

Tên dự án: ___ [ghi tên dự án]

Thư mời thầu số: ___ [ghi số trích yếu của Thư mời thầu đối với đấu thầu hạn chế]

Kính gửi: ___ [ghi đầy đủ và chính xác tên của Bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ yêu cầu và văn bản sửa đổi Hồ sơ yêu cầu số ___ [ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ___ [ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu ___ [ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu nêu trong Hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là ___ [ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu] ⁽²⁾ cùng với bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Thời gian thực hiện hợp đồng là ___ [ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu] ⁽³⁾.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một Hồ sơ đề xuất này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.
5. Những thông tin kê khai trong Hồ sơ đề xuất là trung thực.

Nếu Hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 41 - Chi dẫn nhà thầu của Hồ sơ yêu cầu.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian ___ ⁽⁴⁾ ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___ ⁽⁵⁾.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu ⁽⁶⁾

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nhà thầu lưu ý, Đơn đề xuất phải được ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của Bên mời thầu, nhà thầu, thời gian có hiệu lực của HSDX, được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu.

- (2) Giá dự thầu ghi trong Đơn đề xuất phải cụ thể, có định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá dự thầu ghi trong bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì nhà thầu phải ghi giá dự thầu cho từng phần và tổng giá dự thầu cho các phần mà nhà thầu tham dự thầu.
- (3) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong Đơn đề xuất phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và tiến độ hoàn thành nêu trong HSĐX.
- (4) Thời gian có hiệu lực của HSDX được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong HSYC. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày có thời điểm đóng thầu được tính là 1 ngày.
- (5) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 22.1 **BDL**.
- (6) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký Đơn đề xuất thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký Đơn đề xuất thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này). Nếu nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình Chủ đầu tư bản chụp được chứng thực các văn bản này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì nhà thầu bị coi là vi phạm Mục 3 CDNF.



ĐƠN ĐỀ XUẤT⁽¹⁾*(áp dụng trong trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá trong Đơn đề xuất)*

Ngày: [ghi ngày tháng năm ký Đơn đề xuất]

Tên gói thầu: [ghi tên gói thầu theo thông báo mời thầu]

Tên dự án: [ghi tên dự án]

Thư mời thầu số: [ghi số trích yếu của Thư mời thầu đối với đấu thầu hạn chế]

Kính gửi: [ghi đầy đủ và chính xác tên của Bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ yêu cầu và văn bản sửa đổi Hồ sơ yêu cầu số ____ [ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ [ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu nêu trong Hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là ____ [ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu]⁽²⁾ cùng với bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với số tiền giảm giá là: ____ [ghi giá trị giảm giá bằng số, bằng chữ và đồng tiền].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: ____ [ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]⁽³⁾.

Thời gian thực hiện hợp đồng là ____ [ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu]⁽⁴⁾.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một Hồ sơ đề xuất này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.
5. Những thông tin kê khai trong Hồ sơ đề xuất là trung thực.

Nếu Hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 41 - Chỉ dẫn nhà thầu trong Hồ sơ yêu cầu.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian ____⁽⁵⁾ ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁶⁾.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu⁽⁷⁾

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- (1) Nhà thầu lưu ý, Đơn đề xuất phải được ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của Bên mời thầu, nhà thầu, thời gian có hiệu lực của HSDX, được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu.
- (2) Giá dự thầu ghi trong Đơn đề xuất phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá dự thầu ghi trong bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì nhà thầu phải ghi giá dự thầu cho từng phần và tổng giá dự thầu cho các phần mà nhà thầu tham dự thầu.
- (3) Ghi rõ giảm giá cho toàn bộ gói thầu hay giảm giá cho một hoặc nhiều công việc, hạng mục nào đó (nêu rõ công việc, hạng mục được giảm giá).
- (4) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong Đơn đề xuất phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và tiến độ hoàn thành nêu trong HSDX.
- (5) Thời gian có hiệu lực của HSDX được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong HSYC. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày có thời điểm đóng thầu được tính là 1 ngày.
- (6) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 22.1 **BDL**.
- (7) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký Đơn đề xuất thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký Đơn đề xuất thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này). Nếu nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình Chủ đầu tư bản chụp được chứng thực các văn bản này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì nhà thầu bị coi là vi phạm Mục 3 CDNT.



GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của ____ [ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại ____ [ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án ____ [ghi tên dự án] do ____ [ghi tên Bên mời thầu] tổ chức:

[- Ký Đơn đề xuất;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham gia đấu thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSDX hoặc văn bản đề nghị rút HSDX, sửa đổi, thay thế HSDX;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư nếu được lựa chọn⁽²⁾.

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [ghi tên nhà thầu]. ____ [ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản, Bên mời thầu giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Người ủy quyền

[ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời thầu cùng với Đơn đề xuất theo quy định tại Mục 20.3 CDNT. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia đấu thầu.



BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU
(áp dụng đối với đấu thầu trong nước)

STT	Nội dung	Giá dự thầu
1	Hàng hóa	(M)
2	Dịch vụ liên quan	(I)
	Tổng cộng giá dự thầu (Kết chuyển sang Đơn đề xuất)	(M) + (I)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU
(áp dụng đối với đấu thầu quốc tế)

STT	Nội dung	Giá dự thầu
1	Hàng hóa sản xuất, gia công trong nước hoặc hàng hóa sản xuất, gia công ngoài nước đã nhập khẩu và đang được chào bán tại Việt Nam	(M ₁)
2	Hàng hóa sản xuất, gia công ngoài nước	(M ₂)
3	Dịch vụ liên quan	(I)
	Tổng cộng giá dự thầu (Kết chuyển sang Đơn đề xuất)	(M₁) + (M₂) + (I)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



BẢNG GIÁ DỰ THẦU CỦA HÀNG HÓA

(áp dụng đối với đấu thầu trong nước)

1	2	3	4	5	6	7
STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá dự thầu	Thành tiền (Cột 4x6)
1.	Hàng hóa thứ 1					M1
2.	Hàng hóa thứ 2					M2
					
n.	Hàng hóa thứ n					Mn
Tổng cộng giá dự thầu của hàng hóa đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) (Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá dự thầu)						M=M1 + M2 + ... + Mn

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4) nhà thầu ghi phù hợp với Danh mục hàng hóa quy định tại Phần 2 - Yêu cầu về phạm vi cung cấp; các cột (5), (6), (7) nhà thầu chào.

Đơn giá dự thầu tại cột (6) bao gồm các chi phí cần thiết để cung cấp hàng hóa theo yêu cầu của bên mời thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có) và không bao gồm các chi phí của dịch vụ liên quan tại Mẫu số 17 (b). Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao

**BẢNG GIÁ DỰ THẦU CHO CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN**

1	2	3	4	5	6	7	8
STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Đơn giá dự thầu	Thành tiền (Cột 3x7)
1							
2							
Tổng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) <i>(Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá dự thầu)</i>							(I)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4), (5) và (6) nhà thầu ghi phù hợp với Biểu dịch vụ liên quan quy định tại Mục 1 Phần 2 - Yêu cầu về phạm vi cung cấp.

Các cột (7) và cột (8) do nhà thầu chào.



BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU

Ngày: _____

Số hiệu và tên gói thầu: _____

Tên nhà thầu: __ [ghi tên nhà thầu]
Nơi nhà thầu đăng ký kinh doanh, hoạt động: __ [ghi tên tỉnh/thành phố nơi đăng ký kinh doanh, hoạt động]
Năm thành lập công ty: __ [ghi năm thành lập công ty]
Địa chỉ hợp pháp của nhà thầu: __ [tại nơi đăng ký]
Thông tin về đại diện hợp pháp của nhà thầu
Tên: _____
Địa chỉ: _____
Số điện thoại/fax: _____
Địa chỉ email: _____
1. Kèm theo là bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp.
2. Trình bày sơ đồ tổ chức của nhà thầu.



BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

- Đối với từng vị trí công việc quy định tại Mẫu này thì nhà thầu phải kê khai các thông tin chi tiết theo Mẫu số 07 và Mẫu số 08 Chương này.

- Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt có năng lực phù hợp đáp ứng các yêu cầu quy định tại Mục 2.2 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDX và có thể sẵn sàng huy động cho gói thầu; không được kê khai những nhân sự đã huy động cho gói thầu khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này. Trường hợp kê khai không trung thực thì nhà thầu sẽ bị đánh giá là gian lận.

1	Vị trí công việc: <i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
	Tên: <i>[ghi tên nhân sự chủ chốt]</i>
2	Vị trí công việc: <i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
	Tên: <i>[ghi tên nhân sự chủ chốt]</i>
3	Vị trí công việc
	Tên
4	Vị trí công việc
	Tên
5	Vị trí công việc
	Tên
....	Vị trí công việc
	Tên



BẢN LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu dưới đây và phải gửi kèm theo bản chụp được chứng thực các văn bản, chứng chỉ có liên quan.

Vị trí	
Thông tin nhân sự	Tên Ngày, tháng, năm sinh:
	Trình độ chuyên môn
Công việc hiện tại	Tên của người sử dụng lao động
	Địa chỉ của người sử dụng lao động
	Điện thoại Người liên lạc (trưởng phòng / cán bộ phụ trách nhân sự)
	Fax E-mail
	Chức danh Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại

BẢN KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN



Tóm tắt kinh nghiệm chuyên môn theo trình tự thời gian từ hiện tại trở về trước. Nêu rõ các kinh nghiệm chuyên môn và kinh nghiệm quản lý cụ thể liên quan đến gói thầu.

Từ	Đến	Công ty / Dự án / Chức vụ / Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan



HỢP ĐỒNG KHÔNG HOÀN THÀNH TRONG QUÁ KHỨ⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Các hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ theo quy định tại Mục 2.1 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDX

Không có hợp đồng nào đã ký nhưng không thực hiện kể từ ngày 1 tháng 1 năm __ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm Mục 2.1 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDX.

Có hợp đồng đã ký nhưng không hoàn thành tính từ ngày 1 tháng 1 năm __ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm Mục 2.1 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDX.

Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị hiện tại, đơn vị tiền tệ, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: Tên Chủ đầu tư: Địa chỉ: Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng:	

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ; nếu Bên mời thầu phát hiện bất cứ nhà thầu nào có hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ mà không kê khai thì được coi là hành vi “gian lận” và HSDX sẽ bị loại.



KIỆN TỤNG ĐANG GIẢI QUYẾT⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Các vụ kiện đang giải quyết			
Chọn một trong các thông tin mô tả dưới đây:			
<input type="checkbox"/> Không có vụ kiện nào đang giải quyết.			
<input type="checkbox"/> Dưới đây là mô tả về các vụ kiện đang giải quyết mà nhà thầu là một bên đương sự (hoặc mỗi thành viên của liên danh nếu là nhà thầu liên danh).			
Năm	Vấn đề tranh chấp	Giá trị vụ kiện đang giải quyết tính bằng VND	Tỷ lệ của giá trị vụ kiện đang giải quyết so với giá trị tài sản ròng

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các vụ kiện tụng đang giải quyết; nếu Bên mời thầu phát hiện bất cứ nhà thầu nào đang có các vụ kiện tụng mà không kê khai thì được coi là hành vi “gian lận” và HSDX sẽ bị loại.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Số liệu tài chính cho 3 năm gần nhất ⁽¹⁾ [VND]		
Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:

Thông tin từ Bảng cân đối kế toán

Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Tài sản ngắn hạn			
Nợ ngắn hạn			
Vốn lưu động			

Thông tin từ Báo cáo kết quả kinh doanh

Tổng doanh thu			
Doanh thu bình quân hàng năm từ hoạt động sản xuất kinh doanh⁽²⁾			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Đính kèm là bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho ba năm gần nhất⁽³⁾, như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ hoặc công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu.

Các báo cáo tài chính được kiểm toán theo quy định.

Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành và được kiểm toán. Kèm theo là bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;



- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
- Báo cáo kiểm toán;
- Các tài liệu khác.

Ghi chú:

(1), (3) Khoảng thời gian được nêu ở đây cần giống khoảng thời gian được quy định tại Mục 2.1 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX.

(2) Để xác định doanh thu bình quân hàng năm từ hoạt động sản xuất kinh doanh, nhà thầu sẽ chia tổng doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của các năm cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.





NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH⁽¹⁾

Nêu rõ các nguồn tài chính dự kiến, chẳng hạn như các tài sản có khả năng thanh khoản cao⁽²⁾, các hạn mức tín dụng và các nguồn tài chính khác (không phải là các khoản tạm ứng theo hợp đồng) có sẵn để đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính được nêu trong Mẫu số 13 Chương này.

Nguồn lực tài chính của nhà thầu		
STT	Nguồn tài chính	Số tiền (VND)
1		
2		
3		
...		
Tổng nguồn lực tài chính của nhà thầu (TNL)		

Ghi chú:

(1) Từng nhà thầu phải cung cấp thông tin về nguồn lực tài chính của mình, kèm theo tài liệu chứng minh.

Nguồn lực tài chính mà nhà thầu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu được tính theo công thức sau:

$$NLTC = TNL - ĐTH$$

Trong đó:

- NLTC là nguồn lực tài chính mà nhà thầu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu;
- TNL là tổng nguồn lực tài chính của nhà thầu (tổng nguồn lực tài chính quy định tại Mẫu này);
- ĐTH là tổng yêu cầu về nguồn lực tài chính hàng tháng cho các hợp đồng đang thực hiện (quy định tại Mẫu số 13).

Nhà thầu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu nếu có nguồn lực tài chính dự kiến huy động để thực hiện gói thầu (NLTC) tối thiểu bằng giá trị yêu cầu tại tiêu chí đánh giá 3.3 Mục 2.1 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDX.

Trường hợp trong HSDX, nhà thầu có nộp kèm theo bản cam kết tín dụng của tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, trong đó cam kết sẽ cung cấp tín dụng cho nhà thầu để thực hiện gói đang xét với hạn mức tối thiểu bằng giá trị yêu cầu tại tiêu chí đánh giá 3.3 Mục 2.1 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDX trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng thì nhà thầu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu và không phải kê khai thông tin theo quy định Mẫu này và Mẫu số 13.

(2) Tài sản có khả năng thanh khoản cao là tiền mặt và tương đương tiền mặt, các công cụ tài chính ngắn hạn, các chứng khoán sẵn sàng để bán, chứng khoán dễ bán, các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu tài chính ngắn hạn và các tài sản khác mà có thể chuyển đổi thành tiền mặt trong vòng một năm.



NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH HÀNG THÁNG CHO CÁC HỢP ĐỒNG ĐANG THỰC HIỆN⁽¹⁾

STT	Tên hợp đồng	Người liên hệ của Chủ đầu tư (địa chỉ, điện thoại, fax)	Ngày hoàn thành hợp đồng	Thời hạn còn lại của hợp đồng tính bằng tháng (A) ⁽²⁾	Giá trị hợp đồng chưa thanh toán, bao gồm cả thuế (B) ⁽³⁾	Yêu cầu về nguồn lực tài chính hàng tháng (B/A)
1						
2						
3						
...						
Tổng yêu cầu về nguồn lực tài chính hàng tháng cho các hợp đồng đang thực hiện (ĐTH).						

Ghi chú:

(1) Từng nhà thầu phải cung cấp thông tin được nêu dưới đây để tính toán tổng các yêu cầu về nguồn lực tài chính, bằng tổng của: (i) các cam kết hiện tại của nhà thầu trong tất cả các hợp đồng mà nhà thầu đang thực hiện hoặc sẽ được thực hiện; (ii) yêu cầu về nguồn lực tài chính đối với hợp đồng đang xét theo xác định của Chủ đầu tư. Ngoài ra, nhà thầu cũng phải cung cấp thông tin về bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào khác có thể ảnh hưởng đáng kể đến việc thực hiện hợp đồng đang xét nếu nhà thầu được trao hợp đồng.

(2) Thời hạn còn lại của hợp đồng tính tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.

(3) Giá trị hợp đồng còn lại chưa được thanh toán tính tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.



BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN GÓI THẦU

Ngày _____ [Điền ngày tháng năm ký cam kết]

Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt]

Tên dự án: _____ [Ghi tên dự án]

Kính gửi: [Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu, văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] và các tài liệu đính kèm hồ sơ yêu cầu do _____ [Ghi tên bên mời thầu] phát hành, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], có địa chỉ tại _____ [Ghi địa chỉ của nhà thầu] cam kết vẫn đáp ứng đầy đủ năng lực, kinh nghiệm để cung cấp hàng hóa theo đúng quy định của hồ sơ yêu cầu.

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của thông tin nêu trong bản cam kết này.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHẦN 2. YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CUNG CẤP
CHƯƠNG V. PHẠM VI CUNG CẤP

Mục 1. Phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa

1. Phạm vi cung cấp hàng hóa

PHẠM VI CUNG CẤP HÀNG HÓA

S T T	Tên trang phục y tế, đồ vải	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Đvt	Số lượng	Ghi chú
1	Bộ trang phục bác sỹ, dược sỹ	<p>1. Áo hề thu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc : Màu trắng - Chất liệu: Vải Kaki chun biên thêu TCM. Thành phần vải kaki chun biên thêu TCM: Polyeste: (77.9 ± 1.0)%. Bông: (7.5±1.0)%.Visco: (11,3 ± 1.0)%. Spandex: (3.3± 1.0)%. Kiểu dệt vân chéo 2/2. Khối lượng g/m2: 260. - May theo số đo yêu cầu của từng người - Kiểu dáng: Áo blouse cổ bẻ Danton, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang gối, kiểu dài tay hoặc ngắn tay, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển công tác trên ngực trái, phía trên khuy cài có in logo trung tâm, phía sau xẻ giữa tới ngang hông. <p>2. Quần</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu trắng - Chất liệu: Vải Kaki chun biên thêu TCM - May theo số đo yêu cầu - Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau <p>3. Mũ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc + chất liệu : Theo màu sắc và chất liệu của áo 	Bộ	108	
2	Bộ trang phục quần áo điều dưỡng, nữ hộ sinh	<p>1.Áo hề thu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc : Màu trắng - Chất liệu: Vải Kaki chun TCM. Thành phần vải kaki chun TCM: Polyeste: (77.9 ± 1.0)%. Bông: (7.5±1.0)%.Visco: (11,3 ± 1.0)%. Spandex: (3.3± 1.0)%. Kiểu dệt vân chéo 2/2. Khối lượng g/m2: 260. - May theo số đo yêu cầu của từng người - Kiểu dáng: Áo kiểu dài tay hoặc ngắn tay, cổ 2 ve, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 2 túi, có khuy cài biển công tác trên ngực trái, phía trên khuy cài có in logo trung tâm. - Túi áo, tay áo và cổ áo có viền xanh dương, viền rộng 0,5cm <p>2. Quần</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu trắng - Chất liệu: Vải Kaki chun TCM. - May theo số đo yêu cầu - Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau <p>3. Mũ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc + chất liệu : Theo màu sắc và chất liệu của áo 	Bộ	136	

3	Bộ trang phục kỹ thuật viên	<p>1. Áo hè thu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc : Màu trắng - Chất liệu: Vải Kaki chun biên thêu TCM. Thành phần vải kaki chun biên thêu TCM: Polyeste: (77.9 ± 1.0)%. Bông: (7.5±1.0)%.Visco: (11,3 ± 1.0)%. Spandex: (3.3± 1.0)%. Kiểu dệt vân chéo 2/2. Khối lượng g/m2: 260. - May theo số đo yêu cầu của từng người - Kiểu dáng: Áo kiểu dài tay hoặc ngắn tay, cổ 2 ve, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển công tác trên ngực trái, phía trên khuy cài có in logo trung tâm. <p>2. Quần</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu trắng - Chất liệu: Vải Kaki chun biên thêu TCM - May theo số đo yêu cầu - Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau <p>3. Mũ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc + chất liệu: Theo màu sắc và chất liệu của áo 	Bộ	18	
4	Bộ trang phục nhân viên khối văn phòng nữ	<p>"- Màu sắc: Áo màu trắng , quần hoặc chân váy màu đen.- Chất liệu: Áo vải sợi tre - Bambo Ý, quần hoặc chân váy vải chéo thái giã- Thành phần vải Sợi tre chun -Bamboo: polyeste: (45.3 ± 2.0)%, Visco: (52.4 ± 2.0)%, spandex: (2.3 ± 1.0)%. Kiểu dệt vân chéo 3/1. Khối lượng g/m2: 175. Thành phần vải chéo thái chun co giã: Polyeste (92.5 ± 1)%. Spandex: 7.5 ± 1.0)%. Kiểu dệt vải dệt thoi nhiều lớp. Khối lượng g/m2: 383.- May theo số đo yêu cầu của từng người- Kiểu dáng: Áo sơ mi kiểu dài tay hoặc ngắn tay, có khuy cài biển tên trên ngực trái, phía trên khuy cài có in logo trung tâm. Quần âu ko ly ống đứng, có 2 túi chéo trước. Chân váy ôm, cạp cong 5cm, 2 túi hàm ếch; chiều dài chân váy quá đầu gối 5cm.</p>	Bộ	16	
5	Bộ trang phục nhân viên khối văn phòng nam	<ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Áo màu trắng, quần màu đen hoặc màu tím than - Chất liệu: Áo vải Áo vải sợi tre - Bambo Ý, quần vải Cashmere Wool and silk England chun. - Thành phần vải Sợi tre chun -Bamboo: polyeste:(45.3 ± 2.0)%, Visco: (52.4 ± 2.0)%, spandex: (2.3 ± 1.0)%. Kiểu dệt vân chéo 3/1. Khối lượng g/m2: 175. Thành phần vải Cashmere Wool and silk England : Polyeste: (69.4 ± 2.0). Visco: (27.6± 2.0)%. spandex: (3.0 ± 1.0)% vân chéo 2/1. Khối lượng g/m2: 290 - May theo số đo yêu cầu - Kiểu dáng: +Áo sơ mi kiểu dài tay hoặc ngắn tay có khuy cài biển tên trên ngực trái, phía trên khuy cài có in logo trung tâm. + Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 2 túi sau, có cạp lót chống trượt lớp bên trong 	Bộ	8	



6	Bộ trang phục Hộ lý	<p>1. Áo - Màu sắc: Màu xanh hòa bình- Chất liệu: mùa hè thu vải kate ford - Thành phần nguyên liệu của vải kate ford: polyeste; (67.2 ± 1.0)%. Bông: 32.8. Kiểu dệt: Vân điểm. Khối lượng g/m²: 161. - May theo số đo yêu cầu của từng người- Kiểu dáng: Áo kiểu dài tay hoặc ngắn tay, cổ tim, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 2 túi, có khuy cài biển công tác trên ngực trái, phía trên khuy cài có in logo trung tâm.</p> <p>2. Quần- Màu sắc: Màu xanh hòa bình- Chất liệu: theo chất liệu của áo- May theo số đo yêu cầu- Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, có chun 2 bên sườn</p> <p>3. Mũ + khẩu trang Màu sắc : Theo màu sắc của áo- Chất liệu: Theo chất liệu của áo</p>	Bộ	28	
7	Quần áo phẫu thuật viên	<p>1. Áo</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu xanh cổ vịt - Chất liệu: Vải Kaki chun biên thêu TCM. Thành phần vải kaki chun biên thêu TCM: Polyeste: (77.6 ± 3.0)%. Bông: (6.7±3.0)%.Visco: (13.1 ± 2.0)%. Spandex: (2.6± 1.0)%. Kiểu dệt vân chéo 2/2. Khối lượng g/m²: 260. - May size L, XL,XXL - Kiểu dáng: Áo kiểu ngắn tay, cổ trái tim, chui đầu, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái, phía trên khuy cài có in logo bệnh viện. <p>2. Quần</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu xanh cổ vịt - Chất liệu: Vải Kaki chun biên thêu TCM. - May size L,XL,XXL - Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. <p>3. Mũ + khẩu trang</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc : Theo màu sắc của áo - Chất liệu: Theo chất liệu của áo 	Bộ	16	
		Tổng cộng			



2. Biểu tiến độ cung cấp

BIỂU TIẾN ĐỘ CUNG CẤP

Thời gian thực hiện hợp đồng	90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
------------------------------	---

Mục 2. Yêu cầu về kỹ thuật

2.1. Giới thiệu chung về gói thầu

- Gói thầu: Mua sắm trang phục nhân viên y tế năm 2023 cho Trung tâm Y tế thành phố Uông Bí.

- Chủ đầu tư: Trung tâm Y tế thành phố Uông Bí

- Thời gian thực hiện gói thầu: 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

- Địa điểm giao hàng: Trung tâm Y tế thành phố Uông Bí (Tổ 28 , Khu 8, Phường Quang Trung – Thành phố Uông Bí - Tỉnh Quảng Ninh).

2.2. Yêu cầu về kỹ thuật

2.2.1. Yêu cầu chung:

- Đóng gói, vận chuyển: Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

- Cung cấp đủ số lượng mời thầu

- Cam kết cung cấp đầy đủ hoá đơn tài chính theo quy định khi bàn giao hàng hoá

- Kiểu dáng, màu sắc quần áo bệnh nhân và trang phục của cán bộ thực hiện theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 quy định về trang phục Y tế.

- Tiêu chuẩn chất lượng của hàng hoá: Hàng mới 100%, đảm bảo theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

- Cam kết cung cấp hàng mẫu theo phạm vi cung cấp với số lượng 01 sản phẩm/1 mặt hàng khi có yêu cầu của bên mời thầu trong thời gian 05 ngày làm việc đối với các mặt hàng thuộc phạm vi cung cấp để bên mời thầu đánh giá chất lượng hàng hóa, chất liệu dự thầu.

- Cam kết cắt và may bằng phương pháp thủ công. May theo số đo từng cán bộ.

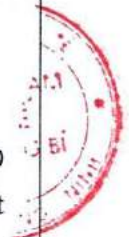
2.2.2. Yêu cầu kỹ thuật chi tiết:

- Hàng hóa sẽ được thực hiện cung cấp cho từng khoa, theo yêu cầu của Bên mời thầu.

- Hàng hóa phải đáp ứng các yêu cầu về cấu hình, đặc tính, thông số kỹ thuật, và các yêu cầu khác như quy định tại bảng dưới đây và là mức yêu cầu tối thiểu phải đạt.



S T T	Tên trang phục y tế, đồ vải	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
1	Bộ trang phục bác sỹ, dược sỹ	<p>1. Áo hè thu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc : Màu trắng - Chất liệu: Vải Kaki chun biên thô TCM. Thành phần vải kaki chun biên thô TCM: Polyeste: (77.9 ± 1.0)%. Bông: (7.5±1.0)%.Visco: (11,3 ± 1.0)%. Spandex: (3.3± 1.0)%. Kiểu dệt vân chéo 2/2. Khối lượng g/m2: 260. - May theo số đo yêu cầu của từng người - Kiểu dáng: Áo blouse cổ bẻ Danton, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang gối, kiểu dài tay hoặc ngắn tay, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển công tác trên ngực trái, phía trên khuy cài có in logo trung tâm, phía sau xẻ giữa tới ngang hông. <p>2. Quần</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu trắng - Chất liệu: Vải Kaki chun biên thô TCM - May theo số đo yêu cầu - Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau <p>3. Mũ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc + chất liệu : Theo màu sắc và chất liệu của áo
2	Bộ trang phục quần áo điều dưỡng, nữ hộ sinh	<p>1.Áo hè thu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc : Màu trắng - Chất liệu: Vải Kaki chun TCM. Thành phần vải kaki chun TCM: Polyeste: (77.9 ± 1.0)%. Bông: (7.5±1.0)%.Visco: (11,3 ± 1.0)%. Spandex: (3.3± 1.0)%. Kiểu dệt vân chéo 2/2. Khối lượng g/m2: 260. - May theo số đo yêu cầu của từng người - Kiểu dáng: Áo kiểu dài tay hoặc ngắn tay, cổ 2 ve, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 2 túi, có khuy cài biển công tác trên ngực trái, phía trên khuy cài có in logo trung tâm. - Túi áo, tay áo và cổ áo có viền xanh dương, viền rộng 0,5cm <p>2. Quần</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu trắng - Chất liệu: Vải Kaki chun TCM. - May theo số đo yêu cầu - Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau <p>3. Mũ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc + chất liệu : Theo màu sắc và chất liệu của áo



3	Bộ trang phục kỹ thuật viên	<p>1. Áo hè thu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc : Màu trắng - Chất liệu: Vải Kaki chun biên thêu TCM. Thành phần vải kaki chun biên thêu TCM: Polyeste: (77.9 ± 1.0)%. Bông: (7.5±1.0)%.Visco: (11,3 ± 1.0)%. Spandex: (3.3± 1.0)%. Kiểu dệt vân chéo 2/2. Khối lượng g/m2: 260. - May theo số đo yêu cầu của từng người - Kiểu dáng: Áo kiểu dài tay hoặc ngắn tay, cổ 2 ve, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển công tác trên ngực trái, phía trên khuy cài có in logo trung tâm. <p>2. Quần</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu trắng - Chất liệu: Vải Kaki chun biên thêu TCM - May theo số đo yêu cầu - Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau <p>3. Mũ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc + chất liệu: Theo màu sắc và chất liệu của áo
4	Bộ trang phục nhân viên khối văn phòng nữ	<p>"- Màu sắc: Áo màu trắng , quần hoặc chân váy màu đen.- Chất liệu: Áo vải sợi tre - Bambo Ý, quần hoặc chân váy vải chéo thái giã- Thành phần vải Sợi tre chun - Bamboo: polyeste: (45.3 ± 2.0)%, Visco: (52.4 ± 2.0)%, spandex: (2.3 ± 1.0)%. Kiểu dệt vân chéo 3/1. Khối lượng g/m2: 175. Thành phần vải chéo thái chun co giã: Polyeste (92.5 ± 1.0)%. Spandex: 7.5 ± 1.0)%. Kiểu dệt vải dệt thoi nhiều lớp. Khối lượng g/m2: 383.- May theo số đo yêu cầu của từng người- Kiểu dáng: Áo sơ mi kiểu dài tay hoặc ngắn tay, có khuy cài biển tên trên ngực trái, phía trên khuy cài có in logo trung tâm. Quần âu ko ly ống đứng, có 2 túi chéo trước. Chân váy ôm, cạp cong 5cm, 2 túi hàm ếch; chiều dài chân váy quá đầu gối 5cm.</p>
5	Bộ trang phục nhân viên khối văn phòng nam	<ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Áo màu trắng, quần màu đen hoặc màu tím than - Chất liệu: Áo vải Áo sợi tre - Bambo Ý, quần vải Cashmere Wool and silk England chun. - Thành phần vải Sợi tre chun -Bamboo: polyeste:(45.3 ± 2.0)%, Visco: (52.4 ± 2.0)%, spandex: (2.3 ± 1.0)%. Kiểu dệt vân chéo 3/1. Khối lượng g/m2: 175. Thành phần vải Cashmere Wool and silk England : Polyeste: (69.4 ± 2.0). Visco: (27.6± 2.0)%. spandex: (3.0 ± 1.0)% vân chéo 2/1. Khối lượng g/m2: 290 - May theo số đo yêu cầu - Kiểu dáng: +Áo sơ mi kiểu dài tay hoặc ngắn tay có khuy cài biển tên trên ngực trái, phía trên khuy cài có in logo trung tâm. + Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 2 túi sau, có cạp lót chống trượt lớp bên trong

6	Bộ trang phục Hộ lý	<p>1. Áo - Màu sắc: Màu xanh hòa bình- Chất liệu: mùa hè thu vải kate ford - Thành phần nguyên liệu của vải kate ford: polyeste; (67.2 ± 1.0)%. Bông: 32.8. Kiểu dệt: Vân điểm. Khối lượng g/m²: 161. - May theo số đo yêu cầu của từng người- Kiểu dáng: Áo kiểu dài tay hoặc ngắn tay, cổ tim, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 2 túi, có khuy cài biển công tác trên ngực trái, phía trên khuy cài có in logo trung tâm.2. Quần- Màu sắc: Màu xanh hòa bình- Chất liệu: theo chất liệu của áo- May theo số đo yêu cầu- Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, có chun 2 bên sườn.3. Mũ + khẩu trang Màu sắc : Theo màu sắc của áo- Chất liệu: Theo chất liệu của áo</p>
7	Quần áo phẫu thuật viên	<p>1. Áo</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu xanh cổ vịt - Chất liệu: Vải Kaki chun biên thêu TCM. Thành phần vải kaki chun biên thêu TCM: Polyeste: (77.6 ± 3.0)%. Bông: (6.7±3.0)%.Visco: (13.1 ± 2.0)%. Spandex: (2.6± 1.0)%. Kiểu dệt vân chéo 2/2. Khối lượng g/m²: 260. - May size L, XL,XXL - Kiểu dáng: Áo kiểu ngắn tay, cổ trái tim, chui đầu, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái, phía trên khuy cài có in logo bệnh viện. <p>2. Quần</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu xanh cổ vịt - Chất liệu: Vải Kaki chun biên thêu TCM. - May size L, XL,XXL - Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. <p>3. Mũ + khẩu trang</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc : Theo màu sắc của áo - Chất liệu: Theo chất liệu của áo

Ghi chú: Kích thước quần, áo, mũ, váy của cán bộ y tế nhà thầu sẽ đo trực tiếp trước

2.2.3. Yêu cầu khác:

Thu hồi hàng hóa trong trường hợp đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền nhưng nguyên nhân không phải do lỗi bên mời thầu.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm:

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có: Kiểm tra và vận hành thử hàng hóa trước khi nghiệm thu. Kiểm định trong trường hợp có yêu cầu của chủ đầu tư hoặc cơ quan có thẩm quyền.

PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

CHƯƠNG VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

1. Định nghĩa	<p>Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1.1. “Chủ đầu tư” là tổ chức được quy định tại ĐKCT;</p> <p>1.2. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo;</p> <p>1.3. “Nhà thầu” là nhà thầu trúng thầu (có thể là nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại ĐKCT;</p> <p>1.4. “Nhà thầu phụ” là một cá nhân hay tổ chức có tên trong danh sách các nhà thầu phụ do nhà thầu chính đề xuất trong HSDX hoặc nhà thầu thực hiện các phần công việc mà nhà thầu chính đề xuất trong HSDX; ký Hợp đồng với nhà thầu chính để thực hiện một phần công việc trong Hợp đồng theo nội dung đã kê khai trong HSDX được Chủ đầu tư chấp thuận;</p> <p>1.5. “Tài liệu Hợp đồng” nghĩa là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng;</p> <p>1.6. “Giá hợp đồng” là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có);</p> <p>1.7. “Ngày” là ngày dương lịch; tháng là tháng dương lịch;</p> <p>1.8. “Hàng hóa” bao gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phụ tùng; hàng tiêu dùng; vật tư y tế dùng cho các cơ sở y tế;</p> <p>1.9. “Dịch vụ liên quan” bao gồm các dịch vụ như bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác như đào tạo, chuyển giao công nghệ;</p> <p>1.10. “Hoàn thành” là việc Nhà thầu hoàn tất các dịch vụ liên quan theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng;</p> <p>1.11. “Địa điểm dự án” là địa điểm được quy định tại ĐKCT.</p>
2. Thứ tự ưu tiên	Các tài liệu cấu thành Hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên

	<p>sau đây:</p> <p>2.1. Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;</p> <p>2.2. Thư chấp thuận HSDX và trao hợp đồng;</p> <p>2.3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>2.4. ĐKCT;</p> <p>2.5. ĐKC;</p> <p>2.6. HSDX và các văn bản làm rõ HSDX của Nhà thầu;</p> <p>2.7. HSYC và các tài liệu sửa đổi HSYC (nếu có);</p> <p>2.8. Các tài liệu khác quy định tại ĐKCT.</p>
3. Luật và ngôn ngữ	Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam, ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.
4. Ủy quyền	Trừ khi có quy định khác trong ĐKCT , Chủ đầu tư có thể ủy quyền thực hiện bất kỳ trách nhiệm nào của mình cho người khác, sau khi thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu và có thể rút lại quyết định ủy quyền sau khi đã thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu.
5. Thông báo	<p>5.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ quy định tại ĐKCT.</p> <p>5.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.</p>
6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	<p>6.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp lên Chủ đầu tư không muộn hơn ngày quy định tại Thư chấp thuận HSDX và trao hợp đồng. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được áp dụng theo hình thức, giá trị và hiệu lực quy định tại ĐKCT.</p> <p>6.2. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại ĐKCT.</p>
7. Nhà thầu phụ	7.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ quy định tại ĐKCT để thực hiện một phần công việc nêu trong HSDX. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện. Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách các nhà thầu phụ đã được nêu tại Mục này chỉ được thực hiện khi có lý do xác

	<p>đáng, hợp lý và được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>7.2. Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ cho các công việc khác ngoài công việc kê khai sử dụng nhà thầu phụ nêu trong HSDX.</p> <p>7.3. Yêu cầu khác về nhà thầu phụ quy định tại ĐKCT.</p>
8. Giải quyết tranh chấp	<p>8.1. Chủ đầu tư và nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.</p> <p>8.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định tại ĐKCT kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được quy định tại ĐKCT.</p>
9. Phạm vi cung cấp	Hàng hóa và các dịch vụ liên quan phải được cung cấp theo quy định tại Chương V - Phạm vi cung cấp và được đính kèm thành Phụ lục bảng giá hợp đồng và là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm các loại hàng hóa, dịch vụ mà nhà thầu phải cung cấp cùng với đơn giá của các loại hàng hóa, dịch vụ đó.
10. Tiến độ cung cấp hàng hóa, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) và tài liệu chứng từ	Tiến độ cung cấp hàng hóa và lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) phải được thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương V - Phạm vi cung cấp. Nhà thầu phải cung cấp các hoá đơn và/hoặc các chứng từ tài liệu khác theo quy định tại ĐKCT .
11. Trách nhiệm của Nhà thầu	Nhà thầu phải cung cấp toàn bộ Hàng hóa và các Dịch vụ liên quan (nếu có) trong Phạm vi cung cấp quy định tại Mục 9 ĐKC và theo tiến độ cung cấp hàng hóa, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan quy định tại Mục 10 ĐKC.
12. Loại hợp đồng và giá hợp đồng	<p>12.1. Loại hợp đồng theo quy định tại ĐKCT.</p> <p>12.2. Giá hợp đồng quy định tại ĐKCT là toàn bộ chi phí để thực hiện hoàn thành việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan của gói thầu nêu trong Bảng giá hợp đồng trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của gói thầu. Giá hợp đồng đã bao gồm toàn bộ các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có).</p> <p>12.3. Bảng giá hợp đồng quy định tại Phụ lục bảng giá hợp đồng là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm phạm vi cung cấp và thành tiền của các hạng mục.</p>

13. Điều chỉnh giá hợp đồng và khối lượng hợp đồng	Việc điều chỉnh giá hợp đồng và khối lượng hợp đồng thực hiện theo quy định tại ĐKCT .
14. Điều chỉnh thuế	Việc điều chỉnh thuế thực hiện theo quy định tại ĐKCT .
15. Tạm ứng	<p>15.1. Chủ đầu tư phải cấp cho Nhà thầu khoản tiền tạm ứng theo quy định tại ĐKCT, sau khi Nhà thầu nộp Bảo lãnh tạm ứng tương đương với khoản tiền tạm ứng. Bảo lãnh tạm ứng phải được phát hành bởi một ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và có hiệu lực cho đến khi hoàn trả hết khoản tiền tạm ứng; giá trị của bảo lãnh tạm ứng sẽ được giảm dần theo số tiền tạm ứng mà Nhà thầu hoàn trả. Không tính lãi đối với tiền tạm ứng.</p> <p>15.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng tiền tạm ứng cho việc thực hiện Hợp đồng. Nhà thầu phải chứng minh rằng khoản tiền tạm ứng đã được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng bằng cách nộp bản sao các hóa đơn chứng từ hoặc tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư. Nhà thầu sẽ bị thu bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp sử dụng tiền tạm ứng không đúng mục đích.</p> <p>15.3. Tiền tạm ứng phải được hoàn trả bằng cách khấu trừ một tỷ lệ nhất định trong các khoản thanh toán đến hạn cho Nhà thầu, theo bảng kê tỷ lệ phần trăm công việc đã hoàn thành làm cơ sở thanh toán.</p>
16. Thanh toán	<p>16.1. Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại ĐKCT. Trường hợp Chủ đầu tư thanh toán chậm, Nhà thầu sẽ được trả lãi trên số tiền thanh toán chậm vào lần thanh toán kế tiếp. Lãi suất thanh toán chậm được tính từ ngày mà lẽ ra phải thanh toán cho đến ngày thanh toán thực tế và mức lãi suất áp dụng là mức lãi suất hiện hành đối với các khoản vay thương mại bằng VND.</p> <p>16.2. Đồng tiền thanh toán là: VND.</p>
17. Bản quyền	Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hóa mà nhà thầu đã cung cấp cho Chủ đầu tư.
18. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp	18.1. Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Chủ đầu tư, Nhà thầu không được tiết lộ nội dung của hợp đồng cũng như đặc tính kỹ thuật, sơ đồ, bản vẽ, kiểu dáng, mẫu mã, thông tin do

đồng	<p>Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư đưa ra cho bất cứ ai không phải là người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng. Việc nhà thầu cung cấp các thông tin cho người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng được thực hiện theo chế độ bảo mật và trong phạm vi cần thiết cho việc thực hiện hợp đồng này.</p> <p>18.2. Nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Chủ đầu tư, nhà thầu không được sử dụng bất cứ thông tin hoặc tài liệu nào quy định tại Mục 18.1 ĐKC này vào mục đích khác trừ khi vì mục đích thực hiện hợp đồng.</p> <p>18.3. Các tài liệu quy định tại Mục 18.1 ĐKC thuộc quyền sở hữu của Chủ đầu tư. Khi Chủ đầu tư có yêu cầu, nhà thầu phải trả lại cho Chủ đầu tư các tài liệu này (bao gồm cả các bản chụp) sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng.</p>
19. Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn	<p>Hàng hóa và các dịch vụ liên quan được cung cấp theo Hợp đồng này sẽ phải tuân theo các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đề cập tại Mục 2 Chương VI - Phạm vi cung cấp; nếu tại Mục 2 Chương VI không đề cập đến một thông số hay tiêu chuẩn nào có thể áp dụng thì phải tuân thủ theo thông số và tiêu chuẩn tương đương hoặc cao hơn tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.</p>
20. Đóng gói hàng hóa	<p>Nhà thầu sẽ phải đóng gói hàng hóa đúng yêu cầu quy định tại ĐKCT phù hợp với từng loại phương tiện vận chuyển để chuyển hàng hóa từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định. Việc đóng gói phải đảm bảo hàng hóa không bị hư hỏng do va chạm trong khi bốc dỡ vận chuyển và các tác động khác của môi trường. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng... từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định.</p>
21. Bảo hiểm	<p>Hàng hóa cung cấp theo hợp đồng phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình sản xuất, vận chuyển, lưu kho và giao hàng theo những nội dung được quy định tại ĐKCT.</p>
22. Vận chuyển và các dịch vụ phát sinh	<p>Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa và các yêu cầu khác được quy định tại ĐKCT.</p>

<p>23. Kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa</p>	<p>23.1. Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để khẳng định hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Nội dung, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm được quy định tại ĐKCT.</p> <p>23.2. Bất kỳ hàng hóa nào qua kiểm tra, thử nghiệm mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền từ chối và nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế bằng hàng hóa khác hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Chủ đầu tư có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh đó nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do nhà thầu chịu.</p> <p>23.3. Khi thực hiện các nội dung quy định tại Mục 23.1 và Mục 23.2 ĐKC, nhà thầu không được miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng.</p>
<p>24. Bồi thường thiệt hại</p>	<p>Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 26 ĐKC, nếu nhà thầu không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền bồi thường tương ứng với % giá trị công việc chậm thực hiện như quy định tại ĐKCT tính cho mỗi tuần chậm thực hiện hoặc khoảng thời gian khác như thỏa thuận cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến % tối đa như quy định tại ĐKCT. Khi đạt đến mức tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 29 ĐKC.</p>
<p>25. Bảo hành</p>	<p>25.1. Nhà thầu bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng là mới, chưa sử dụng, bảo đảm chất lượng theo tiêu chuẩn chế tạo, trừ khi có quy định khác nêu tại ĐKCT. Ngoài ra, nhà thầu cũng phải bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng sẽ không có các khuyết tật nảy sinh có thể dẫn đến những bất lợi trong quá trình sử dụng bình thường của hàng hóa.</p> <p>25.2. Yêu cầu về bảo hành đối với hàng hóa quy định tại ĐKCT.</p>
<p>26. Bất khả kháng</p>	<p>26.1. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các</p>

	<p>bên, chẳng hạn như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch.</p> <p>26.2. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.</p> <p>Trong khoảng thời gian không thể thực hiện hợp đồng do điều kiện bất khả kháng, Nhà thầu theo hướng dẫn của Chủ đầu tư vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng. Trong trường hợp này, Chủ đầu tư phải xem xét để bồi hoàn cho Nhà thầu các khoản phụ phí cần thiết và hợp lý mà họ phải gánh chịu.</p> <p>26.3. Một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng.</p> <p>Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Mục 8 ĐKC.</p>
<p>27. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng</p>	<p>27.1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Thay đổi bản vẽ, thiết kế công nghệ hoặc yêu cầu kỹ thuật đối với trường hợp hàng hóa cung cấp theo hợp đồng mang tính đặc chủng được đặt hàng sản xuất cho riêng Chủ đầu tư; b) Bổ sung hạng mục công việc, hàng hóa hoặc dịch vụ cần thiết ngoài phạm vi công việc quy định trong hợp đồng; c) Thay đổi phương thức vận chuyển hoặc đóng gói; d) Thay đổi địa điểm giao hàng; đ) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng; e) Các nội dung khác quy định tại ĐKCT. <p>27.2. Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng.</p>

<p>28. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng</p>	<p>Tiến độ thực hiện hợp đồng chỉ được điều chỉnh trong trường hợp sau đây:</p> <p>28.1. Trường hợp bất khả kháng, không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng;</p> <p>28.2. Thay đổi phạm vi cung cấp, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng;</p> <p>28.3. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng mà không làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì các bên tham gia hợp đồng thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì phải báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định.</p> <p>28.4. Các trường hợp khác quy định tại ĐKCT.</p>
<p>29. Chấm dứt hợp đồng</p>	<p>29.1. Chủ đầu tư hoặc nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:</p> <p>a) Nhà thầu không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Chủ đầu tư gia hạn;</p> <p>b) Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu bị phá sản hoặc phải thanh lý tài sản để tái cơ cấu hoặc sáp nhập;</p> <p>c) Có bằng chứng cho thấy Nhà thầu đã vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 89 Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện Hợp đồng;</p> <p>d) Các hành vi khác quy định tại ĐKCT.</p> <p>29.2. Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo điểm a Mục 29.1 ĐKC thì nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng do mình thực hiện.</p> <p>29.3. Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt hợp đồng theo quy định tại điểm b Mục 29.1 ĐKC, Chủ đầu tư không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Chủ đầu tư được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.</p>



CHƯƠNG VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

ĐKC 1.1	Chủ đầu tư là: Trung tâm y tế thành phố Uông Bí
ĐKC 1.3	Nhà thầu: ___[ghi tên Nhà thầu trúng thầu].
ĐKC 1.11	Địa điểm Dự án/Điểm giao hàng cuối cùng là: Trung tâm Y tế thành phố Uông Bí
ĐKC 2.8	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: ___[liệt kê tài liệu].
ĐKC 4	Chủ đầu tư không thể ủy quyền các nghĩa vụ và trách nhiệm của mình cho người khác.
ĐKC 5.1	Người nhận: Trung tâm y tế thành phố Uông Bí Địa chỉ: Tổ 28, Khu 8 , Phường Quang Trung Thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.
ĐKC 6.1	- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Nhà thầu cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành hoặc theo hình thức đặt cọc bằng Séc. Trường hợp Nhà thầu nộp Thư bảo lãnh của Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành thì phải là bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu, theo Mẫu số 21 Chương VIII - Biểu mẫu hợp đồng). - Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 2% Giá hợp đồng. [ghi giá trị cụ thể căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, từ 2% đến 10% Giá hợp đồng, xác định trong quá trình thương thảo hợp đồng]. - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi toàn bộ hàng hóa được bàn giao, hai bên ký biên bản nghiệm thu và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định.
ĐKC 6.2	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Chủ đầu tư hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu không chậm hơn 15 ngày kể từ khi hết hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.
ĐKC 7.1	Danh sách nhà thầu phụ: ___[ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong HSD].
ĐKC 7.3	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: Không.
ĐKC 8.2	Thời gian để tiến hành hòa giải: trong vòng 15 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp. Giải quyết tranh chấp: 1. Khi giải quyết các tranh chấp trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên

	<p>phải tuân thủ nguyên tắc và trình tự giải quyết tranh chấp hợp đồng được quy định tại Khoản 8 Điều 146 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13.</p> <p>2. Trường hợp các bên tham gia hợp đồng có thỏa thuận giải quyết tranh chấp hợp đồng thông qua hòa giải được thực hiện bởi cơ quan, tổ chức hoặc một, một số cá nhân chuyên gia (gọi chung là ban xử lý tranh chấp), khi đó việc xử lý tranh chấp hợp đồng thông qua ban xử lý tranh chấp được quy định như sau:</p> <p>a) Ban xử lý tranh chấp có thể được nêu trong hợp đồng tại thời điểm ký kết hoặc thiết lập sau khi có tranh chấp xảy ra. Số lượng thành viên ban xử lý tranh chấp do các bên tự thỏa thuận. Thành viên ban xử lý tranh chấp phải là người có trình độ chuyên môn phù hợp với nội dung tranh chấp, kinh nghiệm trong vấn đề giải quyết tranh chấp hợp đồng và hiểu biết về các quy định pháp luật liên quan đến hợp đồng xây dựng.</p> <p>b) Trong thời hạn hai mươi tám (28) ngày kể từ ngày các bên nhận được kết luận hòa giải của ban xử lý tranh chấp, nếu một bên không đồng ý kết luận hòa giải của ban xử lý tranh chấp thì có quyền phản đối và các tranh chấp này sẽ được giải quyết tại Trọng tài hoặc Tòa án theo quy định của pháp luật; trường hợp quá thời hạn nêu trên không bên nào phản đối kết luận hòa giải thì coi như các bên đã thống nhất với kết luận hòa giải. Khi đó, các bên phải thực hiện theo kết luận hòa giải.</p> <p>c) Chi phí cho ban xử lý tranh chấp được tính trong giá hợp đồng xây dựng và do mỗi bên hợp đồng chịu một nửa, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.</p>
ĐKC 10	Nhà thầu phải cung cấp các thông tin và chứng từ sau đây về việc vận chuyển hàng hóa: văn bản kế hoạch triển khai, danh mục hàng hóa, vận đơn và tờ khai hải quan. Chủ đầu tư phải nhận được các tài liệu nói trên trước khi hàng hóa đến nơi, nếu không nhà thầu phải chịu trách nhiệm về bất kỳ chi phí phát sinh nào xảy ra.
ĐKC 12.1	Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói
ĐKC 12.2	Giá hợp đồng: ___ [ghi giá hợp đồng theo giá trị nêu trong Thư chấp thuận HSDX và trao hợp đồng].
ĐKC 13	Điều chỉnh giá hợp đồng và khối lượng hợp đồng: Có điều chỉnh trong phạm vi cho phép.
ĐKC 14	Điều chỉnh thuế: Không được phép áp dụng điều chỉnh thuế.
ĐKC 15.1	Tạm ứng: Theo quy định hiện hành
ĐKC 16.1	Phương thức thanh toán: Xác định trong quá trình thương thảo hợp đồng phù

	hợp với quy định của pháp luật.
ĐKC 20	Đóng gói hàng hóa: Do nhà thầu tự đề xuất đảm bảo hàng hóa không bị tổn hại và thuận tiện trong quá trình vận chuyển, bốc dỡ.
ĐKC 21	Nội dung bảo hiểm: Nhà thầu chịu trách nhiệm về việc bảo hiểm hàng hóa trên cơ sở bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật cũng như phù hợp với các điều kiện thương mại.
ĐKC 22	- Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa: Hàng hóa được vận chuyển đến địa điểm lắp đặt của đơn vị thụ hưởng tại Trung Tâm Y tế thành phố Uông Bí phải đảm bảo an toàn, không hỏng, rách. - Các yêu cầu khác: Không có
ĐKC 23.1	Kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa: Thực hiện kiểm tra tình trạng hàng hóa trước khi lắp đặt và khi vận hành, sử dụng theo quy định của nhà sản xuất.
ĐKC 24	Tổng giá trị bồi thường thiệt hại tối đa là: Giá trị bị thiệt hại Mức khấu trừ: ___%/tuần [<i>xác định trong quá trình thương thảo hợp đồng</i>] (đối với nội dung công việc chậm tiến độ mà không phải vì lý do bất khả kháng). Mức khấu trừ tối đa: 10% giá hợp đồng.
ĐKC 25.1	Nội dung yêu cầu bảo đảm khác đối với hàng hóa: - Hàng hóa mới 100%; - Hàng hóa được sản xuất từ năm 2022 trở đi; - Các nội khác xác định trong quá trình thương thảo hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật.
ĐKC 25.2	Yêu cầu về bảo hành: - Thời hạn bảo hành: Theo quy định của nhà sản xuất
ĐKC 27.1 (e)	Các nội dung khác về hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng: Những thay đổi nhỏ (không làm ảnh hưởng đến một hay nhiều điểm về tên vật tư) đối với một sản phẩm đã được trúng thầu của nhà thầu mà không làm ảnh hưởng đến kinh tế kỹ thuật nhưng tăng hiệu quả quản lý, sử dụng.
ĐKC 28.4	Các trường hợp khác: Không áp dụng.
ĐKC 29.1 (d)	Các hành vi khác: Không áp dụng.

CHƯƠNG VIII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng. Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và Mẫu bảo lãnh tiền tạm ứng dành cho Nhà thầu trúng thầu ghi thông tin và hoàn chỉnh sau khi được trao hợp đồng.

Mẫu số 14. Thư chấp thuận HSĐX và trao hợp đồng

Mẫu số 15. Hợp đồng

Mẫu số 16. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng

Mẫu số 17. Bảo lãnh tiền tạm ứng



THƯ CHẤP THUẬN HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: [ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu, sau đây gọi tắt là "Nhà thầu"]

Về việc: Thông báo chấp thuận Hồ sơ đề xuất và trao hợp đồng

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Chủ đầu tư [ghi tên Chủ đầu tư, sau đây gọi tắt là "Chủ đầu tư"] về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: ____ [ghi tên, số hiệu gói thầu], Bên mời thầu [ghi tên Bên mời thầu, sau đây gọi tắt là "Bên mời thầu"] xin thông báo Chủ đầu tư đã chấp thuận Hồ sơ đề xuất và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu [ghi tên, số hiệu gói thầu. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần thì ghi tên, số hiệu của phần mà Nhà thầu được lựa chọn] với giá hợp đồng là: ____ [ghi giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu] với thời gian thực hiện hợp đồng là: ____ [ghi thời gian thực hiện hợp đồng trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo kế hoạch như sau:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng], tại địa điểm [ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng];
- Thời gian ký kết hợp đồng: ____ [ghi thời gian ký kết hợp đồng]; tại địa điểm [ghi địa điểm ký kết hợp đồng], gửi kèm theo Dự thảo hợp đồng.

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 16 Chương VIII - Biểu mẫu hợp đồng của Hồ sơ yêu cầu với số tiền ____ và thời gian hiệu lực ____ [ghi số tiền tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mục 6.1 ĐKCT của HSYC].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu phải có văn bản chấp thuận đến hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên, trong đó Nhà thầu phải cam kết năng lực hiện tại của Nhà thầu vẫn đáp ứng yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

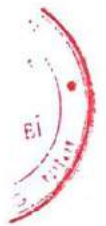
Nếu đến ngày ____ tháng ____ năm ____⁽¹⁾ mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại.

Đại diện hợp pháp của Bên mời thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Tài liệu đính kèm: Dự thảo hợp đồng

Ghi chú:

(1) Bên mời thầu ghi thời gian phù hợp theo quy định.





HỢP ĐỒNG(1)

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [ghi tên dự án]

- Căn cứ ⁽²⁾ ____ (Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội);
- Căn cứ ⁽²⁾ ____ (Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 của Quốc hội);
- Căn cứ ⁽²⁾ ____ (Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu);
- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] và thông báo chấp thuận HSDX và trao hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Bên mời thầu;
- Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được Bên mời thầu và Nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên Chủ đầu tư [ghi tên Chủ đầu tư]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên Nhà thầu: ____ [ghi tên Nhà thầu trúng thầu]:

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

⁽¹⁾ Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi thương thảo có sự khác biệt so với ĐKCT.

⁽²⁾ Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ___ ngày ___ tháng ___ năm ___ (trường hợp được ủy quyền).

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các hàng hóa được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phạm vi cung cấp và bảng giá cùng các Phụ lục khác);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. Điều kiện cụ thể của hợp đồng;
5. Điều kiện chung của hợp đồng;
6. Hồ sơ đề xuất và các văn bản làm rõ Hồ sơ đề xuất của Nhà thầu trúng thầu (nếu có);
7. Hồ sơ yêu cầu và các tài liệu sửa đổi Hồ sơ yêu cầu (nếu có);
8. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định trong điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng].
2. Phương thức thanh toán: ___ [ghi phương thức thanh toán theo quy định tại Mục 16.1 Điều kiện cụ thể của hợp đồng của Hồ sơ yêu cầu].

Điều 6. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: _____ [ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 10 ĐKC, HSDX và kết quả thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ _____ [ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng].

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành _____ bộ, Chủ đầu tư giữ _____ bộ, Nhà thầu giữ _____ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA NHÀ THẦU**

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày _____ tháng _____ năm _____)

Phụ lục này được lập trên cơ sở yêu cầu nêu trong HSYC, HSDX và những thỏa thuận đã đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm giá (thành tiền) cho từng hạng mục, nội dung công việc. Giá (thành tiền) cho từng hạng mục, nội dung công việc đã bao gồm các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định

BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

STT	Nội dung giá hợp đồng	Thành tiền
1	Giá hàng hóa	(M)
2	Giá dịch vụ liên quan	(I)
Tổng cộng giá hợp đồng (Kết chuyển sang Điều 5 hợp đồng)		(M) + (I)

BẢNG GIÁ CỦA HÀNG HÓA

1	2	3	4	5	6	7
STT	Mô tả hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá	Thành tiền (Cột 4x6)
1	Hàng hóa thứ 1					M1
2	Hàng hóa thứ 2					M2

					
n	Hàng hóa thứ n					M_n
Tổng cộng giá hàng hóa đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) <i>(Kết chuyển sang bảng giá hợp đồng)</i>						$M=M_1+M_2+...+M_n$

BẢNG GIÁ CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN

1	2	3	4	5	6
Mô tả dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Đơn giá	Thành tiền (Cột 2x5)
Tổng giá các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) <i>(Kết chuyển sang bảng giá hợp đồng)</i>					(I)

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ
THẦU**

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU
TU**

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG⁽¹⁾**

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [ghi tên Chủ đầu tư]

(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

Theo đề nghị của _____ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu đã trúng thầu gói thầu _____ [ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng); ⁽²⁾

Theo quy định trong HSYC (hoặc hợp đồng), Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, _____ [ghi tên của ngân hàng] ở _____ [ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ] có trụ sở đăng ký tại _____ [ghi địa chỉ của ngân hàng⁽³⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là _____ [ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 6.1 ĐKCT của HSYC]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn _____ [ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____ ⁽⁴⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tài chính.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Bên mời thầu sẽ báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của _____ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu trúng thầu gói thầu _____ [ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số _____ [ghi số hợp đồng] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 6.1 ĐKCT.



BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG ⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [ghi tên Chủ đầu tư]

(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

[ghi tên hợp đồng, số hợp đồng]

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng, ____ [ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu] (sau đây gọi là Nhà thầu) phải nộp cho Chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm Nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng ____ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [ghi tên của ngân hàng] ở ____ [ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ] có trụ sở đăng ký tại ____ [ghi địa chỉ của ngân hàng⁽²⁾] (sau đây gọi là “ngân hàng”), theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu Nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá ____ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng như yêu cầu quy định tại Mục 15.1 Điều kiện cụ thể của hợp đồng của Hồ sơ yêu cầu].

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan tới hợp đồng được ký giữa Nhà thầu và Chủ đầu tư sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này. Giá trị của bảo lãnh này sẽ được giảm dần tương ứng với số tiền tạm ứng mà Chủ đầu tư thu hồi qua các kỳ thanh toán quy định tại Điều 5 của Hợp đồng sau khi Nhà thầu xuất trình văn bản xác nhận của Chủ đầu tư về số tiền đã thu hồi trong các kỳ thanh toán.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày Nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho đến ngày ____ tháng ____ năm ____ ⁽³⁾ hoặc khi Chủ đầu tư thu hồi hết số tiền tạm ứng, tùy theo ngày nào đến sớm hơn.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Căn cứ điều kiện cụ thể của gói thầu mà quy định phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 15.1 ĐKCT.

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ngày giao hàng quy định trong hợp đồng. Nếu giao hàng theo từng phần thì có thể quy định bảo lãnh tiền tạm ứng hết hiệu lực khi giá trị hàng hóa được giao và nghiệm thu lớn hơn hoặc bằng số tiền được tạm ứng. Trong trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng thì yêu cầu gia hạn thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tiền tạm ứng.